VĂN BẢN PHÁP LUẬT KHÁC

VĂN BẢN HỢP NHẤT - BỘ TÀI CHÍNH

Văn bản hợp nhất số 15/VBHN-BTC ngày 28 tháng 5 năm 2024 hợp nhất Thông tư hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Quản lý thuế và Nghị định số 126/2020/NĐ-CP ngày 19 tháng 10 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý thuế

(Tiếp theo Công báo số 711 + 712)

Phụ lục I
DANH MỤC MẪU BIỂU
(Ban hành kèm theo Thông tư số 80/2021/TT-BTC ngày 29 tháng 9 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

Mẫu số: **01/TS**
(Ban hành kèm theo Thông tư số 80/2021/TT-BTC ngày 29 tháng 9 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

VĂN BẢN ĐỀ NGHỊ TRA SOÁT

Kính gửi: <.....>
<Địa chỉ.....>

[01] Tên người nộp thuế:.....
[02] Mã số thuế: ☐☐☐☐☐☐☐☐☐☐ ☐☐☐
[03] Tên đại lý thuế (nếu có):.....
[04] Mã số thuế: ☐☐☐☐☐☐☐☐☐☐ ☐☐☐
[05] Hợp đồng đại lý thuế: Số..... ngày.....
[06] Thông tin đơn vị đề nghị tra soát:.....

1. Nội dung đề nghị tra soát, điều chỉnh:

STT	Chỉ tiêu	Nội dung đề nghị tra soát	Nội dung đề nghị điều chỉnh	Lý do
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)

2. Tài liệu đính kèm (nếu có): *<Bản sao chứng từ nộp ngân sách nhà nước của người nộp thuế hoặc bản sao các quyết định, thông báo, chứng từ có liên quan>.*

Kính đề nghị <.....> xem xét, giải quyết./.

....., ngày..... tháng..... năm.....

NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ
Họ và tên:.....
Chứng chỉ hành nghề số:.....

NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc
ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA CƠ QUAN, TỔ CHỨC
<Chữ ký, ghi rõ họ tên; chức vụ và đóng dấu (nếu có)/ Ký điện tử>

Ghi chú:

- Chữ trong dấu <> chỉ là giải thích hoặc ví dụ.

- Chỉ tiêu từ [1], [2], [3], [4], [5]: Khai khi người nộp thuế đề nghị tra soát.

- Chỉ tiêu [6]: Khai khi đơn vị đề nghị tra soát là cơ quan thuế, cơ quan nhà nước có thẩm quyền phát hiện sai, sót cần điều chỉnh đối với thông tin đã trao đổi, cung cấp giữa các cơ quan.

- Nội dung đề nghị tra soát, điều chỉnh các thông tin liên quan đến từng trường hợp đề nghị tra soát cụ thể:

+ Trường hợp đề nghị tra soát theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 69 Thông tư này thì ghi nội dung đề nghị tra soát bao gồm các thông tin: Số tờ khai/số quyết định/số thông báo/mã định danh hồ sơ (ID); Kỳ thuế/Ngày quyết định/Ngày thông báo; Chương; Tiểu mục và nội dung đề nghị điều chỉnh tương ứng với từng nội dung đề nghị tra soát.

+ Trường hợp đề nghị tra soát theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 69 Thông tư này thì ghi nội dung đề nghị tra soát bao gồm các thông tin: Số tham chiếu; Số chứng từ; Ngày chứng từ; Số tờ khai/số quyết định/số thông báo/mã định danh hồ sơ (ID); Kỳ thuế/Ngày quyết định/Ngày thông báo và nội dung đề nghị điều chỉnh tương ứng với từng nội dung tra soát).

+ Trường hợp cơ quan thuế, cơ quan nhà nước có thẩm quyền phát hiện sai, sót theo quy định tại điểm g khoản 2 Điều 69 Thông tư này thì ghi nội dung đề nghị tra soát bao gồm các thông tin đã trao đổi, cung cấp giữa các cơ quan cần tra soát và nội dung đề nghị điều chỉnh tương ứng với từng nội dung đề nghị tra soát.

- Mẫu thư tra soát giữa KBNN và NHTM theo quy định hiện hành giữa KBNN và NHTM; giữa cơ quan thuế và KBNN thực hiện theo quy chế trao đổi thông tin giữa cơ quan thuế và KBNN.

Mẫu số: **01/TB-TS**
(Ban hành kèm theo Thông tư số 80/2021/TT-BTC ngày 29 tháng 9 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

TÊN CƠ QUAN CẤP TRÊN **TÊN CƠ QUAN THUẾ BAN HÀNH THÔNG BÁO**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số:...../TB-.....	*....., ngày..... tháng..... năm.....*

THÔNG BÁO
Về việc <...(1)....> thông tin đề nghị tra soát

Căn cứ quy định của Luật Quản lý thuế và các văn bản hướng dẫn thi hành;

Căn cứ văn bản đề nghị tra soát số..... ngày.../.../..... (mã giao dịch điện tử.....) của <tên người nộp thuế hoặc tên cơ quan nhà nước có thẩm quyền>, <mã số thuế của NNT> gửi cơ quan thuế ngày.../.../.....;

<Trường hợp điều chỉnh thông tin theo đề nghị tra soát thì ghi:>

Cơ quan thuế thông báo nội dung điều chỉnh như sau:

STT	Chỉ tiêu	Nội dung đề nghị điều chỉnh	Nội dung điều chỉnh	Căn cứ điều chỉnh
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)

<Trường hợp không điều chỉnh thông tin theo đề nghị tra soát thì ghi:>

Cơ quan thuế không thực hiện điều chỉnh thông tin theo đề nghị của <Người nộp thuế hoặc Đơn vị>.

Lý do: <ghi cụ thể lý do không điều chỉnh theo 1 trong các trường hợp như sau>.

<Trường hợp người nộp thuế đề nghị tra soát ghi: thông tin theo dõi thực hiện nghĩa vụ thuế của người nộp thuế là chính xác với căn cứ theo dõi nghĩa vụ thuế của cơ quan thuế (hồ sơ khai thuế của người nộp thuế đã được cơ quan thuế thông báo chấp nhận, chứng từ nộp NSNN, thông báo, quyết định và các văn bản khác của cơ quan thuế, cơ quan nhà nước có thẩm quyền), cụ thể:....>.

<Trường hợp cơ quan nhà nước có thẩm quyền đề nghị tra soát ghi: Thông tin đề nghị tra soát đã khớp đúng với thông tin trao đổi giữa các cơ quan và khớp đúng với thông tin theo dõi tại cơ quan thuế, cụ thể:.....>

Trường hợp <Người nộp thuế hoặc Đơn vị> cần biết thêm thông tin chi tiết, xin vui lòng truy cập theo đường dẫn http://www.xxx.gdt.gov.vn hoặc liên hệ với <Tên cơ quan thuế, bộ phận mà người nộp thuế có thể liên hệ, địa chỉ cơ quan thuế> để được hỗ trợ.

Cơ quan thuế thông báo để <Người nộp thuế hoặc Đơn vị> được biết và thực hiện./.

***Nơi nhận*:**
- <Tên NNT hoặc tên đơn vị, địa chỉ>;
- <Các BP có liên quan>;
- Lưu: VT, BP ban hành TB.

QUYỀN HẠN, CHỨC VỤ
CỦA NGƯỜI KÝ (2)
(Chữ ký, ghi rõ họ tên; chức vụ và đóng dấu (nếu có)/Ký điện tử)

Ghi chú: *Chữ trong dấu <> chỉ là giải thích hoặc ví dụ.*

(1): Trường hợp chấp nhận điều chỉnh thì ghi cụm từ "điều chỉnh" nếu không chấp nhận điều chỉnh thì ghi cụm từ "không điều chỉnh"

(2): Thủ trưởng cơ quan thuế hoặc thừa ủy quyền theo quy định.

Mẫu số: **01/MGTH**
(Ban hành kèm theo Thông tư số 80/2021/TT-BTC ngày 29 tháng 9 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày..... tháng..... năm.....

VĂN BẢN ĐỀ NGHỊ MIỄN (GIẢM)
<tên khoản thu thuộc NSNN được miễn (giảm)>

Kính gửi:... <Tên cơ quan thuế>.....

[01] Tên người nộp thuế:.....

[02] Mã số thuế:.....

[03] Địa chỉ:.....

[03a] Phường/xã..... [03b] Quận/huyện:.....

[03c] Tỉnh/thành phố:.....

[04] Điện thoại:..... [05] Fax:..... [06] E-mail:.....

Đề nghị được miễn (giảm) <tên khoản thu thuộc NSNN được miễn (giảm)> với lý do và <số tiền miễn (giảm)> cụ thể như sau:

1. Lý do đề nghị miễn (giảm):

- .....

<Ghi rõ loại khoản thu đề nghị miễn (giảm); căn cứ pháp lý và căn cứ thực tế để đề nghị miễn (giảm) thuế: thuộc đối tượng, trường hợp được miễn (giảm) nào, lý do cụ thể như: thiên tai, địch họa, tai nạn bất ngờ (ghi cụ thể số tài sản bị thiệt hại, số lỗ)... Trường hợp đề nghị miễn (giảm) thuế tài nguyên thì cần ghi rõ thêm loại tài nguyên, địa điểm, hình thức khai thác, nơi tiêu thụ>.

2. Xác định số thuế được miễn (giảm):

Đơn vị tiền: Đồng Việt Nam

STT	Tên khoản thu thuộc NSNN được miễn (giảm)	Kỳ tính thuế/ Khoảng thời gian đề nghị miễn (giảm)	Số tiền đề nghị miễn (giảm)	Số tiền đã nộp (nếu có)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
1				

STT	Tên khoản thu thuộc NSNN được miễn (giảm)	Kỳ tính thuế/ Khoảng thời gian đề nghị miễn (giảm)	Số tiền đề nghị miễn (giảm)	Số tiền đã nộp (nếu có)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
2				
....	.....			
	Cộng			

3. Tài liệu gửi kèm: *(ghi rõ tên tài liệu, bản chính hay bản sao)*

(1).....

(2).....

Tôi cam đoan số liệu khai trên là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về những số liệu đã khai./.

NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc
ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ
(Ký, ghi rõ họ tên; chức vụ và đóng dấu (nếu có))

<Xác nhận của cơ quan nhà nước có thẩm quyền (như UBND xã, phường, thị trấn/cơ quan kiểm lâm trực tiếp quản lý rừng/....)>

Ghi chú: Phần nội dung ghi trong dấu < > chỉ là trường hợp ví dụ, người nộp thuế căn cứ vào hồ sơ cụ thể để xác nhận theo quy định.

Mẫu số: **02/MGTH**
(*Ban hành kèm theo Thông tư số 80/2021/TT-BTC ngày 29 tháng 9 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính*)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày..... tháng..... năm.....

BIÊN BẢN
Xác định mức độ, giá trị thiệt hại về tài sản

Căn cứ...

Hôm nay, hồi..... giờ..... ngày..... tháng..... năm.....

Tại: .....

Chúng tôi gồm:

1..... Chức vụ: ..... ;

2..... Chức vụ: ..... ;

Cá nhân/tổ chức có tài sản bị thiệt hại là:

Tên cá nhân/tổ chức:..... - Mã số thuế:.....;

Giấy CMND/Hộ chiếu/Chứng nhận đăng ký kinh doanh/Chứng nhận đăng ký hoạt động số:..... do..... cấp ngày.....

Địa chỉ:.....

Với sự chứng kiến của:

1. Ông (bà)..... Nghề nghiệp: ..... ;

Giấy chứng minh nhân dân/Hộ chiếu số:..... Ngày cấp:..... Nơi cấp:;

Địa chỉ thường trú:..... ;

2. Ông (bà)..... Nghề nghiệp: ..... ;

Giấy chứng minh nhân dân/Hộ chiếu số:..... Ngày cấp:..... Nơi cấp:;

Địa chỉ thường trú:..... ;

Tiến hành lập biên bản xác định mức độ, giá trị tài sản bị thiệt hại như sau:

1. Nguyên nhân gây thiệt hại:

(Nêu rõ sự kiện, địa điểm và thời điểm xảy ra sự kiện gây thiệt hại)

.....

2. Xác định mức độ, giá trị thiệt hại về tài sản:

Đơn vị tiền: Đồng Việt Nam

STT	Tên tài sản	Số lượng	Giá trị thiệt hại	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
1				
....	.....			
	Tổng cộng			

Biên bản này gồm có..... trang, được lập thành..... bản có nội dung và giá trị pháp lý như nhau.

Sau khi đọc lại biên bản, những người có mặt đồng ý về nội dung biên bản, không có ý kiến gì khác và cùng ký xác nhận vào từng trang của biên bản hoặc có ý kiến bổ sung khác (nếu có) như sau:.....

CÁ NHÂN HOẶC ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC CÓ TÀI SẢN BỊ THIỆT HẠI
Ký, ghi rõ họ tên; chức vụ và đóng dấu (nếu có)

NGƯỜI LẬP BIÊN BẢN
Ký, ghi rõ họ tên; chức vụ và đóng dấu (nếu có)

ĐẠI DIỆN CHÍNH QUYỀN
(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu)

NGƯỜI CHỨNG KIẾN
Ký, ghi rõ họ tên; chức vụ và đóng dấu (nếu có)

XÁC NHẬN CỦA CƠ QUAN CÓ THẨM QUYỀN
Ký, ghi rõ họ tên; chức vụ và đóng dấu (nếu có)

Mẫu số: **03/MGTH**
(Ban hành kèm theo Thông tư số 80/2021/TT-BTC ngày 29 tháng 9 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

TÊN CƠ QUAN CẤP TRÊN **TÊN CƠ QUAN THUẾ RA QUYẾT ĐỊNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số:...../QĐ-.....	*....., ngày..... tháng..... năm.....*

QUYẾT ĐỊNH
Về việc miễn (giảm) <tên khoản thu thuộc NSNN được miễn (giảm)>

CHỨC DANH THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN THUẾ RA QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Luật Quản lý thuế và các văn bản hướng dẫn thi hành;

<Căn cứ các Luật thuế, phí, lệ phí và các khoản thu khác thuộc NSNN và các văn bản hướng dẫn thi hành>;

<Căn cứ Quyết định số..... ngày..... tháng..... năm.... của..... quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Tổng cục Thuế/Cục thuế/Chi cục thuế>;

Căn cứ hồ sơ đề nghị miễn (giảm) <tên khoản thu thuộc NSNN được miễn, giảm> số..... ngày... tháng... năm... của..... <tên người nộp thuế>;

Theo đề nghị của <Bộ phận đề xuất miễn (giảm) của cơ quan thuế>.

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1: Miễn (giảm) <tên khoản thu thuộc NSNN được miễn, giảm> cho.....<tên người nộp thuế>, <mã số thuế)....., trong đó:

1. Miễn <tên khoản thu thuộc NSNN được miễn >

- Số tiền được miễn:..... đồng; (Bằng chữ:.....)

- Thời gian được miễn:

<Kỳ tính thuế được miễn: <đối với các sắc thuế theo hồ sơ khai thuế>: .....>;

<Khoảng thời gian được miễn: <đối với tiền thuê đất, thuê mặt nước;...>;

- Lý do: <trường hợp miễn theo khoản thu thuộc NSNN được miễn>.

- <Địa chỉ, diện tích khu đất (tiền sử dụng đất)

- Tại địa chỉ khu đất....

- Diện tích:.....>

2. Giảm <tên khoản thu thuộc NSNN được giảm>

- Số tiền được giảm:..... đồng;

- Thời gian được giảm:

<Kỳ tính thuế được giảm: <đối với các sắc thuế theo hồ sơ khai thuế>: .....>;

<Khoảng thời gian được giảm: <đối với tiền thuê đất, thuê mặt nước;...>;

- Lý do được giảm: <trường hợp giảm theo khoản thu thuộc NSNN được giảm>.

- <Địa chỉ, diện tích khu đất (tiền sử dụng đất)

+ Tại địa chỉ khu đất....

+ Diện tích:.....>

Điều 2: Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

... <Tên người nộp thuế>..., ... <trưởng các bộ phận liên quan của cơ quan thuế>... chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

***Nơi nhận*:**
- Như Điều 2;
- Lưu: VT;....

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN THUẾ RA QUYẾT ĐỊNH
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

Mẫu số: **03-1/MGTH**
(Ban hành kèm theo Thông tư số 80/2021/TT-BTC ngày 29 tháng 9 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

TÊN CƠ QUAN CẤP TRÊN **TÊN CƠ QUAN THUẾ RA THÔNG BÁO**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số:...../TB-.....	*....., ngày..... tháng..... năm.....*

THÔNG BÁO
Về việc <người nộp thuế thuộc diện/không thuộc diện được miễn (giảm) thuế theo Hiệp định tránh đánh thuế hai lần và Điều ước quốc tế khác>

Căn cứ Luật Quản lý thuế và các văn bản hướng dẫn hiện hành;

Căn cứ Hiệp định tránh đánh thuế hai lần giữa Việt Nam và <Tên Nước/Vùng lãnh thổ ký kết>/Điều ước quốc tế khác <Tên Điều ước quốc tế>.

Trên cơ sở hồ sơ đề nghị miễn (giảm) thuế của <Tên người nộp thuế>, <mã số thuế - nếu có> gửi đến cơ quan thuế ngày... tháng.... năm...

<Tên cơ quan thuế>..... xác định:

<Trường hợp người nộp thuế thuộc diện được miễn (giảm) thuế theo Hiệp định thuế và Điều ước quốc tế khác thì ghi:>

<Tên người nộp thuế>, <mã số thuế - nếu có> thuộc diện được miễn (giảm) thuế theo quy định tại Điều....., <Hiệp định thuế/Điều ước quốc tế> nêu trên đối với thu nhập nhận được từ: <Ghi loại thu nhập được miễn (giảm) thuế (1)> khi thực hiện Hợp đồng số..... ngày..... (nếu có).

Việc xác định người nộp thuế thuộc diện miễn (giảm) thuế theo <Hiệp định thuế/Điều ước quốc tế> tại Thông báo này là căn cứ để người nộp thuế xác định số thuế được miễn (giảm) trên hồ sơ khai thuế. Trường hợp qua thanh tra, kiểm tra phát hiện người nộp thuế không thuộc diện miễn (giảm) thuế theo <Hiệp định thuế/Điều ước quốc tế> thì người nộp thuế phải thực hiện nghĩa vụ thuế theo quy định.

<Trường hợp người nộp thuế không thuộc diện được miễn (giảm) thuế theo Hiệp định thuế và Điều ước quốc tế khác thì ghi:>

<Tên người nộp thuế>, <mã số thuế - nếu có> không thuộc diện được miễn (giảm) thuế theo quy định tại Điều....., <Hiệp định thuế/Điều ước quốc tế> nêu trên đối với thu nhập nhận được từ: <Ghi loại thu nhập được miễn (giảm) thuế (1)> khi thực hiện Hợp đồng số..... ngày..... (nếu có).

Lý do không thuộc diện được miễn (giảm) thuế:.....

Nếu có vướng mắc, đề nghị người nộp thuế liên hệ với cơ quan thuế... <Tên cơ quan thuế>..... theo số điện thoại:..... địa chỉ:.....

<Tên cơ quan thuế>..... thông báo để người nộp thuế được biết./.

***Nơi nhận*:**
- <Tên, địa chỉ NNT>;
- .....;
- Lưu VT;....

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN THUẾ RA THÔNG BÁO
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

Ghi chú:

(1) Người nộp thuế chọn 1 trong các loại thu nhập sau:

- Thu nhập từ bất động sản.

- Thu nhập kinh doanh.

- Thu nhập từ vận tải quốc tế.

- Thu nhập từ tiền lãi cổ phần.

- Thu nhập từ lãi tiền cho vay.

- Thu nhập từ tiền bản quyền.

- Thu nhập từ chuyển nhượng tài sản.

- Thu nhập từ hoạt động dịch vụ cá nhân độc lập.

- Thu nhập từ tiền lương, tiền công.

- Thù lao giám đốc.

- Thu nhập của nghệ sĩ và Vận động viên.

- Thu nhập từ tiền lương hưu.

- Thu nhập từ phục vụ Chính phủ.

- Thu nhập của sinh viên và Thực tập sinh.

- Thu nhập của giáo viên, Giáo sư và Nhà nghiên cứu.

- Thu nhập khác.

Mẫu số: **04/MGTH**
(Ban hành kèm theo Thông tư số 80/2021/TT-BTC ngày 29 tháng 9 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

TÊN CƠ QUAN CẤP TRÊN **TÊN CƠ QUAN THUẾ RA THÔNG BÁO**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số:...../TB-.....	....., *ngày..... tháng..... năm.....*

THÔNG BÁO
Về việc người nộp thuế không thuộc diện được miễn (giảm) <tên khoản thu thuộc NSNN được miễn (giảm)>

Kính gửi:.....
Mã số thuế:.....
Địa chỉ nhận thông báo:.....

Căn cứ Luật Quản lý thuế, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quản lý thuế và các văn bản hướng dẫn hiện hành,

Sau khi xử lý hồ sơ đề nghị miễn (giảm) thuế số..... ngày... tháng... năm... của..... <tên người nộp thuế>... <Tên cơ quan thuế>..... thông báo:

Trường hợp của..... <tên người nộp thuế>..... không đủ điều kiện được miễn (giảm) < tên khoản thu thuộc NSNN được miễn (giảm)>. Lý do:

1.....

2.....

...

Nếu có vướng mắc, đề nghị người nộp thuế liên hệ với cơ quan thuế... <Tên cơ quan thuế>..... theo số điện thoại:..... địa chỉ:.....

... <Tên cơ quan thuế>..... thông báo để người nộp thuế được biết./.

***Nơi nhận*:** - Như trên; ..... - Lưu VT;....	**THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN THUẾ RA THÔNG BÁO** *(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)*

Mẫu số: **05/MGTH**
(Ban hành kèm theo Thông tư số 80/2021/TT-BTC ngày 29 tháng 9 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

TÊN CƠ QUAN CẤP TRÊN **TÊN CƠ QUAN THUẾ RA QUYẾT ĐỊNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số:...../QĐ-.....	*....., ngày..... tháng..... năm.....*

QUYẾT ĐỊNH
Về việc miễn thuế cho người nộp thuế theo danh sách

CHỨC DANH THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN THUẾ RA QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Luật Quản lý thuế và các văn bản hướng dẫn thi hành;

Căn cứ các Luật thuế và các văn bản hướng dẫn thi hành;

Căn cứ Quyết định số..... ngày..... tháng..... năm.... của..... quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Tổng cục Thuế/Cục thuế/ Chi cục thuế;

<Căn cứ sổ thuế của cơ quan thuế và đối chiếu, xác nhận của UBND xã/phường>;

Theo đề nghị của <Bộ phận đề xuất miễn (giảm) của cơ quan thuế>.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Miễn thuế cho <người nộp thuế> theo danh sách kèm theo của <UBND cấp xã/phường>, trong đó:

- Tổng số tiền được miễn thuế:..... đồng; (Bằng chữ:.....);
- Thời gian được miễn:
- Lý do: <trường hợp miễn>.

<Danh sách người nộp thuế được miễn thuế đính kèm Quyết định>

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

... <người nộp thuế có trong danh sách>..., ... <trưởng các bộ phận liên quan của cơ quan thuế>... chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

***Nơi nhận*:** - Như Điều 2; - Tên cơ quan chức năng (UBND) "để thông báo cho NNT" - Lưu: VT;....	**THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN THUẾ RA QUYẾT ĐỊNH** *(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)*

DANH SÁCH NGƯỜI NỘP THUẾ ĐƯỢC MIỄN THUẾ

ĐVT: đồng VNĐ

Số TT	Tên NNT	Mã số thuế	Kỳ tính thuế	Mã PNN	Số thuế được miễn giảm

Ghi chú:

<Số thuế phải nộp của NNT là số thuế phải nộp trên tờ khai thuế, số thuế phải nộp do CQT tính chưa trừ số thuế đã nộp>

Mẫu số: **06/MGTH**
(Ban hành kèm theo Thông tư số 80/2021/TT-BTC ngày 29 tháng 9 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày..... tháng..... năm.....

VĂN BẢN ĐỀ NGHỊ MIỄN THUẾ TÀI NGUYÊN
<Áp dụng cho trường hợp người nộp thuế tự xác định>

Kính gửi:...<Tên cơ quan thuế>.....

[01] Tên người nộp thuế:.....

[02] Mã số thuế:.....

[03] Địa chỉ:.....

[03a] Phường/xã..... [03b] Quận/huyện:..... [03c] Tỉnh/thành phố:.....

[04] Điện thoại:..... [05] Fax:..... [06] E-mail:.....

Đề nghị được miễn thuế tài nguyên trong trường hợp sau:

<Ghi rõ đối tượng, trường hợp được miễn thuế tài nguyên nào trong các trường hợp quy định tại điểm b khoản 2 Điều 52 Thông tư hướng dẫn Luật Quản lý thuế>

Tài liệu gửi kèm: (ghi rõ tên tài liệu)

(1).....

(2).....

Tôi cam đoan số liệu khai trên là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về những số liệu đã khai./.

NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc
ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ
(Ký, ghi rõ họ tên; chức vụ và đóng dấu (nếu có))

Xác nhận của UBND xã, phường, thị trấn:

Mẫu số: **01/HTQT**
(Ban hành kèm theo Thông tư số 80/2021/TT-BTC ngày 29 tháng 9 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

VĂN BẢN ĐỀ NGHỊ
APPLICATION

Áp dụng miễn, giảm thuế theo Hiệp định thuế giữa Việt Nam và.....
(tên Nước/Vùng lãnh thổ ký kết) đối với
For tax exemption or reduction under the Avoidance of Double Taxation Agreement between Viet Nam and..... (name of the Contracting State/Party) for
☐ Tổ chức (Entity) *☐ Cá nhân (Individual)*

1. Đối tượng được miễn, giảm thuế theo Hiệp định thuế: □

1. Beneficial owner entitled to tax exemption, reduction under the Agreement

1.1	Tên đầy đủ: (viết hoa)..... Full name: (in capitals) *Giấy phép kinh doanh hoặc Giấy phép hành nghề* ☐ *Business license or Profession practicing license* *Hộ chiếu* ☐ *Passport* Số (No.):..... Ngày cấp:...../...../..... tại..... Cơ quan cấp..... Date of issue in issuing agency
1.2	Tên sử dụng trong giao dịch (*nếu là tổ chức*)..... Name used in transaction (*for entity only*)
1.3.a	Địa chỉ tại Việt Nam:..... Address in Viet Nam Số điện thoại (Tel):..... Số Fax (Fax):..... E-mail:..... Địa chỉ trên là (The above address is): *Văn phòng ĐD* □ *Cơ sở thường trú* □ *Nơi làm việc* □ *Nơi lưu trú* □ *Rep Office* *Permanent Establishment* *Workplace* *Domicile* *Khác* □ *Nêu rõ:*..... *Other* *Specify*

1.3.b	Địa chỉ giao dịch hoặc làm việc tại Việt Nam *(nếu khác với địa chỉ nêu trên)*..... Address of transaction or of working place in Viet Nam (*if other than the above address*) Số điện thoại (Tel):..... Số Fax (Fax):..... E-mail:.....
1.4	Mã số thuế tại Việt Nam:..... Tax identification number in Viet Nam Nếu không có nêu lý do If there is no TIN, state the reason
1.5	Thời gian dự kiến thực hiện hoạt động (hoặc ở) tại Việt Nam:..... Expected duration of operation carried out (or stay) in Viet Nam
1.6	Quốc tịch: *Nước ký kết* □ *Nước khác* □..... Nationality *Contracting State* *Other*
1.7	Địa chỉ tại Nước ký kết:..... Address in Contracting State Số điện thoại (Tel):..... Số Fax (Fax):..... E-mail:..... Địa chỉ trên là (The above address is): *Nơi làm việc* □ *Nơi thường trú* □ *Khác* □ *Nêu rõ*:..... *Workplace* *Domicile* *Other* *Specify*
1.8	Tư cách pháp lý tại Nước ký kết (Legal status in Contracting State):

Pháp nhân (*Legal entity)*	□	Cá nhân (*Individual)*	□
Liên danh không tạo pháp nhân *Partnership not forming legal entity*	□	*Khác (Nêu rõ.....)* *Other (Specify)*	□

1.9	Mã số thuế tại Nước ký kết..... Tax identification number in Contracting State Nếu không có nêu lý do If there is no TIN, state the reason

2. Đại diện được ủy quyền: □

2. Authorized representative

2.1	Tên đầy đủ: (viết hoa)..... Full name: (in capitals) *Giấy phép kinh doanh hoặc Giấy phép hành nghề* □ *Business license or Profession practicing license* *Hộ chiếu* □ *CMND/CCCD* □ *Passport* *ID* *Khác(nêu rõ)* □..... *Other (Specify)* Số (No.):..... Ngày cấp:...../...../..... tại..... Cơ quan cấp..... Date of issue in issuing agency			
2.2	Địa chỉ (address):..... Số điện thoại (Tel):..... Số Fax:..... E-mail:.....			
2.3	Mã số thuế:..... Tax identification number Nếu không có nêu lý do If there is no TIN, state the reason			
2.4	Giấy ủy quyền số: ngày Letter of attorney dated			
2.5	Tư cách pháp lý (Legal status)			
	Pháp nhân (Legal entity)	□	*Cá nhân hành nghề độc lập* *Individual practicing independent service*	□
	Liên danh không tạo thành pháp nhân *Partnership not forming legal entity*	□	*Khác (Nêu rõ.....)* *Other (Specify)*	□
	Đại lý thuế (Tax agent)	□		

3. Đối tượng chi trả thu nhập/sử dụng lao động:

3. Income payer/employer

(Trường hợp nhiều đối tượng chi trả thu nhập hoặc sử dụng lao động, phải lập bảng kê kèm theo Văn bản đề nghị này với đầy đủ các thông tin dưới đây)

(In case of more than one income payer or employer, a list thereof must be made together with this Application with all the information below)

3.1	Tên đầy đủ (Full name):..... *Giấy phép kinh doanh hoặc Giấy phép hành nghề* □ *Business license or Profession practicing license* *Hộ chiếu* □ *CMND/CCCD* □ *Passport* *ID* *Khác (nêu rõ)* □..... *Other (Specify)* Số (No.):..... Ngày cấp:...../...../..... tại..... Cơ quan cấp..... Date of issue in issuing agency			
3.2	Địa chỉ (address):..... Số điện thoại (Tel):..... Số Fax:..... E-mail:.....			
3.3	Mã số thuế:..... Tax identification number Nếu không có nêu lý do: If there is no TIN, state the reason			
3.4	Tư cách pháp lý (Legal status)			
	Pháp nhân (Legal entity)	□	Cá nhân hành nghề độc lập *Individual practicing independent service*	□
	Liên danh không tạo pháp nhân *Partnership not forming legal entity*	□	*Khác (Nêu rõ:.....)* *Other (Specify)*	□

4. Nội dung miễn, giảm thuế:

Contents relating to tax exemption, reduction

4.1. Loại và tổng số thu nhập ước tính đề nghị miễn, giảm thuế

Type of income and estimated total income applying for tax exemption, reduction

4.1.1. Loại thu nhập (Type of income):

□ Thu nhập từ bất động sản (Income from immovable property)

□ Thu nhập kinh doanh (Business profit)

□ Thu nhập từ vận tải quốc tế (Income from international traffic)

□ Thu nhập từ tiền lãi cổ phần (Dividends)

□ Thu nhập từ lãi tiền cho vay (Interest)

□ Thu nhập từ tiền bản quyền (Royalties)

□ Thu nhập từ chuyển nhượng tài sản (Gains from the alienation of property)

□ Thu nhập từ hoạt động dịch vụ cá nhân độc lập (Income from independent personal services)

□ Thu nhập từ tiền lương, tiền công (Salaries, wages)

□ Thù lao giám đốc (Directors' fees)

□ Thu nhập của nghệ sĩ và Vận động viên (Entertainers and Sportsmen)

□ Thu nhập từ tiền lương hưu (Pensions)

□ Thu nhập từ phục vụ Chính phủ (Government service)

□ Thu nhập của sinh viên và Thực tập sinh (Students and Apprentices)

□ Thu nhập của giáo viên, Giáo sư và Nhà nghiên cứu (Teachers, Professors and Researchers)

□ Thu nhập khác (Other income). Nêu rõ (Specify):.....

4.1.2. Tổng số thu nhập (Total income):.....

4.2. Thời gian phát sinh thu nhập:.....

Income-generating duration

4.3. Số thuế đề nghị miễn, giảm (hoặc mức thuế suất đề nghị áp dụng Hiệp định thuế trong trường hợp đề nghị áp dụng mức thuế suất giảm):.....

Tax amount applying for exemption, deduction (or tax rate applying for application of the Agreement in case of applying for the reduced tax rate)

5. Thông tin về giao dịch phát sinh thu nhập liên quan đến áp dụng Hiệp định thuế:

Information on transactions deriving the income liable to the tax amount applying for application of the Agreement

5.1. Giải trình tóm tắt về hoạt động kinh doanh/giao dịch phát sinh thu nhập:

Brief description of the business/transactions generating the income

.....

.....

5.2. Giải trình khác

Other descriptions

.....

5.3. Tài liệu gửi kèm:

Enclosed documents

i).....

ii).....

iii).....

.....

Tôi cam kết các thông tin và tài liệu đã cung cấp là trung thực và đầy đủ và xin chịu trách nhiệm trước pháp luật về các thông tin và tài liệu này./.

I pledge hereby that the supplied information and documents are true and complete and I shall take responsibility before law for these information and documents./.

NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ
CERTIFIED TAX AGENT
Họ và tên:.....
Full name
Chứng chỉ hành nghề số:.....
Profession lisence No.:

....., ngày..... tháng..... năm.....
....., day..... month..... year.....
NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc
ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ
TAXPAYER or
LEGAL REPRESENTATIVE OF TAXPAYER
(Ký tên, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu)
(Sign, full name, title, and seal)

Mẫu số: **02/HTQT**
(Ban hành kèm theo Thông tư số 80/2021/TT-BTC ngày 29 tháng 9 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

GIẤY ĐỀ NGHỊ
KHẤU TRỪ THUẾ NƯỚC NGOÀI VÀO THUẾ PHẢI NỘP TẠI VIỆT NAM THEO HIỆP ĐỊNH THUẾ GIỮA VIỆT NAM VÀ
(*tên Nước/Vùng lãnh thổ ký kết*).....
(Áp dụng cho các tổ chức, cá nhân là đối tượng cư trú của Việt Nam)

Đề nghị đánh dấu (x) vào ô trống thích hợp:

☐ *Áp dụng cho tổ chức* ☐ *Áp dụng cho cá nhân*

I. ĐỐI TƯỢNG ĐỀ NGHỊ

1. Người nộp thuế:

1.1	Tên đầy đủ:..... *Giấy phép kinh doanh hoặc Giấy phép hành nghề* ☐ *CMND/CCCD* ☐ *Hộ chiếu* ☐ Số:..... Ngày cấp:...../...../..... tại..... Cơ quan cấp.....			
1.2	Tên sử dụng trong giao dịch.....			
1.3.	Tư cách pháp lý			
	Pháp nhân	☐	*Cá nhân hành nghề độc lập*	☐
	Liên danh không tạo pháp nhân	☐	*Cá nhân hành nghề phụ thuộc*	☐
	Khác *Nêu rõ:*.....	☐		
1.4.a	Địa chỉ tại Việt Nam:..... Số điện thoại:..... Số Fax:..... E-mail:..... Địa chỉ trên là: *Trụ sở chính* ☐ *Nhà ở thường trú* ☐ *Khác* ☐ *Nêu rõ*:.....			
1.4.b	Địa chỉ giao dịch tại Việt Nam *(nếu khác với địa chỉ nêu trên)*..... Số điện thoại:..... Số Fax:..... E-mail:.....			

1.5	Quốc tịch:		
	Việt Nam □	*Nước ký kết* □	*Nước khác*.....□
1.6	Mã số thuế tại Việt Nam *(nếu có)*:.....		
1.7.a	Địa chỉ tại Nước ký kết:..... Số điện thoại:..... Số Fax:..... E-mail:..... Địa chỉ trên là: *Văn phòng* □ *Cơ sở thường trú* □ *Nơi làm việc* □ *Nơi lưu trú* □ *Khác* □ *Nêu rõ*:.....		
1.7.b	Địa chỉ giao dịch tại Nước ký kết *(nếu khác với địa chỉ nêu trên)*..... Số điện thoại:..... Số Fax:..... E-mail:.....		
1.8	Mã số thuế tại Nước ký kết (nếu có).....		

2. Đại diện được ủy quyền[1]: □

2.1	Tên đầy đủ:..... *Giấy phép kinh doanh hoặc Giấy phép hành nghề* □ *CMND/CCCD* □ *Hộ chiếu* □ Số:..... Ngày cấp:...../...../..... tại..... Cơ quan cấp.....			
2.2	Địa chỉ:..... Số điện thoại:..... Số Fax:..... E-mail:.....			
2.3	Mã số thuế (nếu có):.....			
2.4	Giấy ủy quyền số:..... ngày.....			
2.5	Tư cách pháp lý			
	Pháp nhân	□	*Cá nhân hành nghề phụ thuộc*	□
	Liên danh không tạo pháp nhân	□	*Khác*	□
	Đại lý thuế	□	*Nêu rõ:*.....	

II. ĐỐI TƯỢNG CHI TRẢ THU NHẬP

(Trường hợp nhiều đối tượng chi trả thu nhập, phải lập bảng kê kèm theo Giấy đề nghị này với đầy đủ các thông tin dưới đây)

[1] Trường hợp người nộp thuế ủy quyền cho đại diện hợp pháp thực hiện các thủ tục áp dụng Hiệp định thuế, bên được ủy quyền phải kê khai đầy đủ các thông tin kể cả phần I.2. của Giấy đề nghị này.

<table>
<tr><td>1</td><td colspan="4">Tên đầy đủ:.....
Giấy phép kinh doanh hoặc Giấy phép hành nghề □
CMND/CCCD □ *Hộ chiếu* □
Số:.....
Ngày cấp:...../...../..... tại..... Cơ quan cấp.....</td></tr>
<tr><td>2</td><td colspan="4">Địa chỉ:.....
Số điện thoại:..... Số Fax:..... E-mail:.....</td></tr>
<tr><td>3</td><td colspan="4">Mã số thuế (nếu có):.....</td></tr>
<tr><td rowspan="3">4</td><td colspan="4">Tư cách pháp lý</td></tr>
<tr><td>*Pháp nhân*</td><td>□</td><td>*Cá nhân hành nghề phụ thuộc*</td><td>□</td></tr>
<tr><td>*Liên danh không tạo pháp nhân*</td><td>□</td><td>*Khác*
Nêu rõ:.....</td><td>□</td></tr>
</table>

III. NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ

1. Năm đề nghị áp dụng Hiệp định thuế:.....

2. Đối tượng đề nghị khấu trừ thuế đã nộp ở nước ngoài điền các thông tin được ghi tại các mục dưới đây.

2.1. Số thuế đề nghị khấu trừ trực tiếp.....

- Số thu nhập chịu thuế ở nước ngoài:.....
- Loại thu nhập:.....
- Thời gian phát sinh thu nhập:.....
- Thuế suất:.....
- Số thuế đã nộp ở nước ngoài:.....

2.2. Số thuế khoán đề nghị khấu trừ:.....

- Số thu nhập nhận được ở nước ngoài thuộc diện khoán thuế:.....
- Loại thu nhập:.....
- Thời gian phát sinh thu nhập:.....
- Thuế suất:.....

2.3. Số thuế đề nghị khấu trừ gián tiếp:.....

- Số thu nhập chịu thuế ở nước ngoài:.....
- Loại thu nhập:.....
- Thời gian phát sinh thu nhập:.....

- Thuế suất:.....

- Số thuế đã nộp ở nước ngoài:.....

IV. THÔNG TIN VỀ GIAO DỊCH PHÁT SINH THU NHẬP LIÊN QUAN ĐẾN SỐ THUẾ ĐỀ NGHỊ ÁP DỤNG HIỆP ĐỊNH THUẾ

1. Giải trình tóm tắt về giao dịch:

.....

.....

2. Giải trình khác:

.....

3. Tài liệu gửi kèm:

1. .....

2. .....

3. .....

Tôi cam đoan các thông tin, tài liệu đã cung cấp là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về các thông tin, tài liệu này./.

...., ngày..... tháng..... năm.....

NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ	**NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc**
Họ và tên:.....	**ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ**
Chứng chỉ hành nghề số:.....	*(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu)*

Mẫu số: **01/TNKDCK**
(Ban hành kèm theo Thông tư số 80/2021/TT-BTC ngày 29 tháng 9 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

GIẤY CHỨNG NHẬN TÀI KHOẢN LƯU KÝ CỔ PHIẾU, TRÁI PHIẾU

(Kèm theo hồ sơ đề nghị miễn, giảm thuế theo Hiệp định thuế)

Đơn vị tiền: Đồng Việt Nam

Tên khách hàng	Mã chứng khoán	Loại giao dịch (bán chứng khoán/ lãi trái phiếu)	Đơn vị môi giới	Ngày giao dịch	Ngày thanh toán	Số lượng chứng khoán	Doanh số giao dịch	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
Tổng cộng								

Ngày..... tháng..... năm 20.....

TỔ CHỨC XÁC NHẬN

(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu)

Mẫu số: **01-1/HKNN**
(Ban hành kèm theo Thông tư số 80/2021/TT-BTC ngày 29 tháng 9 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

Phụ lục
BẢNG KÊ THU NHẬP VẬN TẢI QUỐC TẾ
(Dành cho vận tải hàng không quốc tế)
[01] Kỳ tính thuế: Từ..... đến.....

[02] Tên Hãng hàng không nước ngoài:..... [03] Nước cư trú:.....

[04] Tên/hô hiệu phương tiện vận tải: .....

[05] Tên văn phòng/đại lý bán vé tại Việt Nam: .....

[06] Mã số thuế: ☐☐☐☐☐☐☐☐☐☐ ☐☐☐

[07] Tên đại lý thuế (nếu có):.....

[08] Mã số thuế: ☐☐☐☐☐☐☐☐☐☐ ☐☐☐

Đơn vị tiền: Đồng Việt Nam

Kỳ vận chuyển	Cảng đi	Cảng đến	Tổng doanh thu bán vé tại thị trường Việt Nam	Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	Thuế thu nhập doanh nghiệp đề nghị miễn, giảm
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)

Kỳ vận chuyển	Cảng đi	Cảng đến	Tổng doanh thu bán vé tại thị trường Việt Nam	Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	Thuế thu nhập doanh nghiệp đề nghị miễn, giảm
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
Tổng cộng					

..., ngày..... tháng..... năm.....

NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ
Họ và tên:.....
Chứng chỉ hành nghề số:.....

NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc
ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ
(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu)

Ghi chú:

- Cột (1) đến (3) ghi hành trình vận chuyển tương ứng với số liệu doanh thu vận chuyển theo quý. Đối với trường hợp được tạm miễn thuế từ đầu năm là số liệu doanh thu vận chuyển của năm nhưng tập hợp theo từng quý trong năm.

- Cột (4) ghi doanh thu tính thuế của người trực tiếp điều hành phương tiện vận tải.

Mẫu số: **01-2/HKNN**
(Ban hành kèm theo Thông tư số 80/2021/TT-BTC ngày 29 tháng 9 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

Phụ lục

BẢNG KÊ THU NHẬP VẬN TẢI QUỐC TẾ

(Dành cho trường hợp hoán đổi/chia chỗ trong vận tải hàng không quốc tế)

[01] Kỳ tính thuế: Từ..... đến.....

[02] Tên Hãng hàng không nước ngoài:.....[03] Nước cư trú:.....

[04] Tên/hô hiệu phương tiện vận tải: .....

[05] Tên văn phòng/đại lý bán vé tại Việt Nam: .....

[06] Mã số thuế: ☐☐☐☐☐☐☐☐☐☐ ☐☐☐

[07] Tên đại lý thuế (nếu có):.....

[08] Mã số thuế: ☐☐☐☐☐☐☐☐☐☐ ☐☐☐

Đơn vị tiền: Đồng Việt Nam

Kỳ vận chuyển	**Cảng đi**	**Cảng đến**	**Số chỗ hoán đổi/chia** (theo thỏa thuận hoán đổi/chia chỗ)	**Số chỗ hoán đổi thực tế**	**Doanh thu quy đổi**	**Thuế Thu nhập doanh nghiệp phải nộp**	**Thuế Thu nhập doanh nghiệp đề nghị miễn, giảm**
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
Tổng cộng							

..., ngày..... tháng..... năm.....

NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ
Họ và tên:.....
Chứng chỉ hành nghề số:.....

NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc
ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ
(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu)

Ghi chú:

- Cột (1) đến (3) ghi hành trình vận chuyển tương ứng với số liệu doanh thu vận chuyển theo quý. Đối với trường hợp được tạm miễn thuế từ đầu năm là số liệu doanh thu vận chuyển của năm nhưng tập hợp theo từng quý trong năm.

- Cột (4) ghi số chỗ được sử dụng miễn phí quy định trong thỏa thuận hoán đổi/chia chỗ.

- Cột (5) ghi số chỗ đã thực tế sử dụng trên máy bay của hãng đối tác.

- Cột (6) ghi doanh thu quy đổi đã là số tiền thu được từ khách hàng theo quý đối với số chỗ đã sử dụng thực tế không vượt quá hạn mức được sử dụng trên cơ sở thỏa thuận hoán đổi/chia chỗ. Đối với trường hợp được tạm miễn thuế từ đầu năm là số liệu doanh thu vận chuyển cả năm nhưng tập hợp theo từng quý trong năm.

Mẫu số: **01/TBH-TB**
(Ban hành kèm theo Thông tư số 80/2021/TT-BTC ngày 29 tháng 9 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

VĂN BẢN ĐỀ NGHỊ DỰ KIẾN[1]

Áp dụng miễn, giảm thuế theo Hiệp định tránh đánh thuế hai lần giữa Việt Nam và (tên Nước/Vùng lãnh thổ ký kết) đối với các tổ chức nhận tái bảo hiểm nước ngoài có thu nhập từ kinh doanh, không thực hiện chế độ kế toán Việt Nam

1. Đối tượng được miễn, giảm thuế theo Hiệp định thuế: □

1.1	Tên đầy đủ: (viết hoa)..... *Giấy phép kinh doanh hoặc Giấy phép hành nghề số*..... Ngày cấp:...../...../..... tại..... Cơ quan cấp.....
1.2	Tên sử dụng trong giao dịch.....
1.3.a	Địa chỉ tại Việt Nam:..... Số điện thoại:..... Số Fax:..... E-mail:..... Địa chỉ trên là: *A. Nơi làm việc □ B. Nơi lưu trú □ C. Văn phòng ĐD □ D. Cơ sở thường trú □ E. Khác □ Nêu rõ:*.....
1.3.b	Địa chỉ giao dịch tại Việt Nam *(nếu khác với địa chỉ nêu trên)*..... Số điện thoại:..... Số Fax:..... E-mail:.....
1.4	Mã số thuế tại Việt Nam*)*:..... Nếu không có nêu lý do:.....
1.5	Thời gian có mặt tại Việt Nam hoặc thực hiện hoạt động tại Việt Nam:....
1.6	Địa chỉ tại Nước ký kết:..... Số điện thoại:..... Số Fax:..... E-mail:.....
1.7	Tư cách pháp lý tại Nước ký kết: *A. Pháp nhân* □ *B. Liên danh không tạo pháp nhân* □ *AB. Khác (Nêu rõ.....)* □
1.8	Mã số thuế tại Nước ký kết:..... Nếu không có nêu lý do:.....

[1] Văn bản đề nghị dự kiến được lập thành 02 bản: 01 bản do đối tượng đề nghị áp dụng Hiệp định thuế giữ và 01 bản lưu tại cơ quan thuế.

2. Đại diện được ủy quyền: □

2.1	Tên đầy đủ: (viết hoa)..... *A. CMND/CCCD □ B. Hộ chiếu □ C. Giấy chứng nhận kinh doanh/đầu tư □* *D. Khác(nêu rõ) □* Số:..... Ngày cấp:...../...../..... tại..... Cơ quan cấp.....			
2.2	Địa chỉ:..... Số điện thoại:..... Số Fax:..... E-mail:.....			
2.3	Mã số thuế:..... Nếu không có nêu lý do			
2.4	Giấy ủy quyền số..... ngày.....			
2.5	Tư cách pháp lý			
	A. Pháp nhân	□	*D. Cá nhân hành nghề phụ thuộc*	□
	B. Liên danh không tạo thành pháp nhân	□	*E. Khác (Nêu rõ.....)*	□
	C. Đại lý thuế (nếu có)	□		

3. Đối tượng chi trả thu nhập:

(Trường hợp nhiều đối tượng chi trả thu nhập, phải lập bảng kê kèm theo Văn bản đề nghị này)

3.1	Tên đầy đủ: (viết hoa)..... *A. CMND/CCCD □ B. Hộ chiếu □* *C. Giấy phép kinh doanh hoặc Giấy phép hành nghề □* *D. Khác (nêu rõ) □.....* Số:..... Ngày cấp:...../...../..... tại..... Cơ quan cấp.....			
3.2	Địa chỉ:..... Số điện thoại:..... Số Fax:..... E-mail:.....			
3.3	Mã số thuế:..... Nếu không có nêu lý do.....			
3.4	Tư cách pháp lý:			
	A. Pháp nhân	□	*C. Cá nhân hành nghề độc lập*	□
	B. Liên danh không tạo pháp nhân	□	*D. Khác (Nêu rõ.....)*	□

4. Nội dung miễn, giảm thuế:

4.1. Số thuế dự kiến đề nghị miễn, giảm (*nếu có*):

4.2. Mức thuế suất đề nghị áp dụng (trong trường hợp đề nghị áp dụng mức thuế suất giảm):

4.3. Thời gian phát sinh thu nhập (*ghi rõ năm đề nghị áp dụng Hiệp định thuế*):

5. Thông tin về giao dịch phát sinh thu nhập liên quan đến áp dụng Hiệp định thuế:

5.1. Giải trình tóm tắt về giao dịch:

.....

.....

5.2. Giải trình khác:

5.3. Tài liệu gửi kèm:

i) Bản gốc/bản sao đã được chứng thực Giấy chứng nhận cư trú do cơ quan thuế của nước cư trú cấp đã được hợp pháp hóa lãnh sự (cho năm ngay trước năm nộp Văn bản đề nghị dự kiến[2]); □

ii) Bảng kê các hợp đồng tái bảo hiểm đã hoặc dự kiến ký kết với các tổ chức, cá nhân tại Việt Nam (mẫu số 01-1/TBH-TB ban hành kèm theo phụ lục I Thông tư số 80/2021/TT-BTC ngày 29/9/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính); □

iii) Giấy ủy quyền (trong trường hợp ủy quyền); □

iv) Tài liệu khác (nếu có). □

Tôi cam đoan các thông tin, tài liệu đã cung cấp là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về các thông tin, tài liệu này./.

NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ	*..., ngày..... tháng..... năm.....*
Họ và tên:.....	**NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc**
Chứng chỉ hành nghề số:.....	**ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ**
	Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu

Ghi chú:

1. Đề nghị đánh dấu (x) vào ô trống thích hợp.

2. Trường hợp người nộp thuế ủy quyền cho đại diện hợp pháp thực hiện thủ tục áp dụng Hiệp định thuế, bên ủy quyền và bên được ủy quyền phải kê khai đầy đủ các thông tin kể cả phần 1 và 2 của Văn bản đề nghị này.

[2] Trường hợp đã nộp cho cơ quan thuế bản gốc Giấy chứng nhận cư trú trong năm trước đó, có thể nộp bản sao Giấy chứng nhận cư trú đã được chứng thực.

PHẦN DÀNH CHO CƠ QUAN THUẾ
Cục Thuế..... Xác nhận Công ty..... Mã số thuế:..... Địa chỉ:..... 1. Đã nộp đầy đủ Hồ sơ đề nghị dự kiến thuộc diện miễn, giảm thuế theo Hiệp định tránh đánh thuế hai lần giữa Việt Nam và..... 2. Công ty..... được tạm thời chưa phải nộp thuế TNDN đối với thu nhập phát sinh từ các hợp đồng tái bảo hiểm đã ký và sẽ ký kết với các công ty tái bảo hiểm Việt Nam trong năm..... (*ghi rõ năm đề nghị áp dụng Hiệp định*). 3. Trong vòng quý I của năm..... (*ghi rõ năm liền kề năm đề nghị áp dụng Hiệp định thuế*), Công ty..... có trách nhiệm gửi cho Cục Thuế..... Hồ sơ đề nghị chính thức gồm: i) Văn bản đề nghị chính thức theo mẫu số 02/TBH-TB ban hành kèm theo phụ lục I Thông tư số 80/2021/TT-BTC ngày 29/9/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính; ii) Bản gốc Giấy chứng nhận cư trú đã được hợp pháp hóa lãnh sự của năm tính thuế.... (*ghi rõ năm đề nghị áp dụng Hiệp định thuế trong trường hợp tại thời điểm nộp Văn bản đề nghị (dự kiến) chưa có Giấy chứng nhận cư trú của năm đề nghị áp dụng Hiệp định thuế*); iii) Bản sao có xác nhận của người nộp thuế các Hợp đồng tái bảo hiểm đã thực hiện trong năm (bao gồm cả những hợp đồng đã có trong kế hoạch và những hợp đồng ngoài kế hoạch đã gửi cơ quan thuế) nhưng chưa nộp cho cơ quan thuế; iv) Bảng kê các hợp đồng tái bảo hiểm đã thực hiện với tổ chức, cá nhân tại Việt Nam trong năm..... theo mẫu số 02-1/TBH-TB ban hành kèm theo phụ lục I Thông tư số 80/2021/TT-BTC ngày 29/9/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính; v) Giấy ủy quyền (trong trường hợp ủy quyền).

....., ngày..... tháng..... năm.....

CỤC TRƯỞNG

(hoặc) KT. CỤC TRƯỞNG

PHÓ CỤC TRƯỞNG

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Mẫu số: **01-1/TBH-TB**
(Ban hành kèm theo Thông tư số 80/2021/TT-BTC ngày 29 tháng 9 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

Phụ lục

BẢNG KÊ CÁC HỢP ĐỒNG TÁI BẢO HIỂM ĐÃ HOẶC DỰ KIẾN KÝ KẾT

(Kèm theo Văn bản đề nghị dự kiến ngày.....)

[01]Tên tổ chức nhận tái bảo hiểm nước ngoài hoặc tổ chức được ủy quyền: .....

[02] Mã số thuế: ☐☐☐☐☐☐☐☐☐☐ ☐☐☐

[03] Địa chỉ: .....

[04] Tên đại lý thuế (nếu có): .....

[05] Mã số thuế: ☐☐☐☐☐☐☐☐☐☐ ☐☐☐

Đơn vị tiền : Đồng Việt Nam

STT	Tên Hợp đồng	Đại diện ký kết				Thông tin Hợp đồng		Giá trị Hợp đồng thực hiện (nếu có)	Hiệu lực Hợp đồng		Thuế thu nhập doanh nghiệp dự kiến đề nghị miễn, giảm theo Hiệp định thuế
		Bên Việt Nam		Bên nước ngoài[1]					Ngày bắt đầu	Ngày kết thúc	
		Tên	Mã số thuế	Tên	Mã số thuế (nếu có)	Số	Ngày ký				
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)
...											

[1] Trường hợp Đại diện ký kết hợp đồng là Văn phòng đại diện, phải ghi rõ Văn phòng đại diện là đối tượng cư trú của Nước ký kết.

Tôi cam đoan số liệu khai trên là đúng và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về những số liệu đã khai./.

Ngày..... tháng..... năm.....

NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ
Họ và tên:.....
Chứng chỉ hành nghề số:.....

NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc
ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ
(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu)

Mẫu số: **02/TBH-TB**
(Ban hành kèm theo Thông tư số 80/2021/TT-BTC ngày 29 tháng 9 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

VĂN BẢN ĐỀ NGHỊ CHÍNH THỨC

(Tiếp theo Văn bản đề nghị dự kiến ngày...../...../.....)

Áp dụng miễn, giảm thuế theo Hiệp định tránh đánh thuế hai lần giữa Việt Nam và..... đối với các tổ chức nhận tái bảo hiểm nước ngoài có thu nhập từ kinh doanh không thực hiện chế độ kế toán Việt Nam

1. Đối tượng được miễn, giảm thuế theo Hiệp định thuế:

1.1	Tên đầy đủ: (viết hoa)..... *Giấy phép kinh doanh hoặc Giấy phép hành nghề số*:..... Ngày cấp:...../...../..... tại..... Cơ quan cấp.....			
1.2	Tên sử dụng trong giao dịch.....			
1.3.a	Địa chỉ tại Việt Nam:..... Số điện thoại:..... Số Fax:..... E-mail:..... Địa chỉ trên là: *A. Nơi làm việc □ B. Nơi lưu trú □ C. Văn phòng ĐD □ D. Cơ sở thường trú □ E. Khác □ Nêu rõ:*.....			
1.3.b	Địa chỉ giao dịch tại Việt Nam *(nếu khác với địa chỉ nêu trên)*..... Số điện thoại:..... Số Fax:..... E-mail:.....			
1.4	Mã số thuế tại Việt Nam:..... Nếu không có nêu lý do.....			
1.5	Thời gian có mặt tại Việt Nam hoặc thực hiện hoạt động tại Việt Nam:.....			
1.6	Địa chỉ tại Nước ký kết:..... Số điện thoại:..... Số Fax:..... E-mail:.....			
1.7	Tư cách pháp lý tại Nước ký kết:			
	A. Pháp nhân	□	*B. Liên danh không tạo pháp nhân*	□
	C. Khác (Nêu rõ.....)			□
1.8	Mã số thuế tại Nước ký kết..... Nếu không có nêu lý do			

2. Đại diện được ủy quyền:

2.1	Tên đầy đủ: (viết hoa)..... *A. CMND/CCCD* □ *B. Hộ chiếu* □ *C. Giấy chứng nhận kinh doanh/đầu tư* □ *D. Khác (nêu rõ)* □..... Số:..... Ngày cấp:...../...../..... tại..... Cơ quan cấp.....			
2.2	Địa chỉ:..... Số điện thoại:..... Số Fax:..... E-mail:.....			
2.3	Mã số thuế:..... Nếu không có nêu lý do.....			
2.4	Giấy ủy quyền số..... ngày.....			
2.5	Tư cách pháp lý			
	A. Pháp nhân	□	*D. Cá nhân hành nghề phụ thuộc*	□
	B. Liên danh không tạo thành pháp nhân	□	*E. Khác (Nêu rõ.....)*	□
	C. Đại lý thuế	□		

3. Đối tượng chi trả thu nhập:

(Trường hợp nhiều đối tượng chi trả thu nhập, phải lập bảng kê kèm theo Văn bản đề nghị này)

3.1	Tên đầy đủ: (viết hoa)..... *A. CMND/CCCD* □ B. *Hộ chiếu* □ C. *Giấy chứng nhận kinh doanh/đầu tư* □ *D. Khác(nêu rõ)* □..... Số:..... Ngày cấp:...../...../..... tại..... Cơ quan cấp.....			
3.2	Địa chỉ:..... Số điện thoại:..... Số Fax:..... E-mail:.....			
3.3	Mã số thuế:..... Nếu không có nêu lý do.....			
3.4	Tư cách pháp lý:			
	A. Pháp nhân	□	*C. Cá nhân hành nghề độc lập*	□
	B. Liên danh không tạo pháp nhân	□	*D. Khác (Nêu rõ.....)*	□

4. Nội dung miễn, giảm thuế:

4.1. Số thuế đề nghị miễn, giảm (ghi rõ số tiền):

4.2. Mức thuế suất đề nghị áp dụng (trong trường hợp đề nghị áp dụng mức thuế suất giảm):

4.3. Thời gian phát sinh thu nhập (*ghi rõ năm đề nghị áp dụng Hiệp định thuế*):

5. Thông tin về giao dịch phát sinh thu nhập liên quan đến áp dụng Hiệp định thuế:

5.1. Giải trình tóm tắt về giao dịch:

.....

.....

5.2. Giải trình khác:

5.3. Tài liệu gửi kèm:

i) Bản gốc (hoặc bản sao đã được chứng thực) Giấy chứng nhận cư trú do Cơ quan thuế của nước cư trú cấp đã được hợp pháp hóa lãnh sự trong năm tính thuế đó; □

ii) Bản sao có xác nhận của người nộp thuế các Hợp đồng tái bảo hiểm đã thực hiện trong năm (bao gồm cả những hợp đồng đã có trong kế hoạch và những hợp đồng ngoài kế hoạch đã gửi cơ quan thuế) nhưng chưa nộp cho cơ quan thuế; □

iii) Bảng kê các hợp đồng tái bảo hiểm đã thực hiện với các tổ chức, cá nhân tại Việt Nam trong năm.... theo mẫu số 02-1/TBH-TB ban hành kèm theo phụ lục I Thông tư số 80/2021/TT-BTC ngày 29/9/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính; □

iii) Giấy ủy quyền (trong trường hợp ủy quyền). □

Tôi cam đoan các thông tin, tài liệu đã cung cấp là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về các thông tin, tài liệu này./.

...., ngày..... tháng..... năm.....

NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ	**NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc**
Họ và tên:.....	**ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ**
Chứng chỉ hành nghề số:.....	*(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu)*

Ghi chú:

1. Đề nghị đánh dấu (x) vào ô trống thích hợp.

2. Trường hợp người nộp thuế ủy quyền cho đại diện hợp pháp thực hiện thủ tục áp dụng Hiệp định thuế, bên ủy quyền và bên được ủy quyền phải kê khai đầy đủ các thông tin kể cả phần 1 và 2 của Văn bản đề nghị này.

Mẫu số: **02-1/TBH-TB**
(Ban hành kèm theo Thông tư số 80/2021/TT-BTC ngày 29 tháng 9 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

Phụ lục

BẢNG KÊ CÁC HỢP ĐỒNG TÁI BẢO HIỂM ĐÃ THỰC HIỆN

(Kèm theo Văn bản đề nghị chính thức ngày.....)

[01]Tên tổ chức nhận tái bảo hiểm nước ngoài hoặc tổ chức được ủy quyền: .....

[02] Mã số thuế: ☐☐☐☐☐☐☐☐☐☐ ☐☐☐

[03] Địa chỉ: .....

[04] Tên đại lý thuế (nếu có): .....

[05] Mã số thuế: ☐☐☐☐☐☐☐☐☐☐ ☐☐☐

Đơn vị tiền: Đồng Việt Nam

STT	Tên Hợp đồng	Đại diện ký kết				Thông tin Hợp đồng		Giá trị Hợp đồng thực hiện (nếu có)	Hiệu lực Hợp đồng		Thuế thu nhập doanh nghiệp chính thức đề nghị miễn, giảm theo Hiệp định thuế
		Bên Việt Nam		Bên nước ngoài[1]					Ngày bắt đầu	Ngày kết thúc	
		Tên	Mã số thuế	Tên	Mã số thuế (nếu có)	Số	Ngày ký				
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)
...											

[1] Trường hợp Đại diện ký kết hợp đồng là Văn phòng đại diện, phải ghi rõ Văn phòng đại diện là đối tượng cư trú của Nước ký kết.

Tôi cam đoan số liệu khai trên là đúng và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về những số liệu đã khai./.

Ngày..... tháng..... năm.....

NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ
Họ và tên:.....
Chứng chỉ hành nghề số:.....

NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc
ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ
(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu)

Mẫu số: **01/DTA-MAP**
(Ban hành kèm theo Thông tư số 80/2021/TT-BTC ngày 29 tháng 9 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐỀ NGHỊ THỦ TỤC THỎA THUẬN SONG PHƯƠNG (MAP)
Kính gửi: Tổng cục Thuế

Thông tin về đối tượng đề nghị MAP:

[01] Tên người nộp thuế:.....

[02] Mã số thuế:

[03] Địa chỉ:.....

[04] Tỉnh:.....

[05] Điện thoại:..... [06] Fax:..... [07] Email:.....

[08]Giấy phép đăng ký kinh doanh:.....

Đối tượng nước ngoài liên quan:

[09] Tên đối tượng nước ngoài liên quan:.....

[10] Nước/Vùng lãnh thổ nơi cư trú:.....

[11] Mã số thuế:.....

[12] Địa chỉ:.....

[13] Điện thoại:..... [14] Fax:..... [15] Email:.....

[16] Giấy phép đăng ký kinh doanh:.....

[17] Mối quan hệ với đối tượng đề nghị MAP:

[ ] Công ty liên kết

[ ] Trụ sở chính - Văn phòng chi nhánh

[ ] Khác. Nêu rõ:.....

Căn cứ quy định tại Hiệp định thuế giữa Việt Nam và.....

..... đề nghị Tổng cục Thuế tiến hành thủ tục Thỏa thuận song phương (MAP), cụ thể như sau:

[18] Thông tin về thu nhập chịu thuế và số thuế đề nghị MAP:

[18.1] Thông báo của cơ quan thuế về số thuế đề nghị MAP:...

[18.2] Năm tài chính có liên quan:.....

[18.3] Khoản thu nhập chịu thuế:.....

[18.4] Số thuế đề nghị MAP:.....

[ ] đã nộp [ ] chưa nộp. Lý do:.....

[19] Điều khoản Hiệp định thuế có liên quan:.....

[20] Quan điểm của người nộp thuế và lý do đề nghị MAP:.....

[21] Người nộp thuế đã từng đề nghị quy trình xử lý khiếu nại khác:

[ ] chưa đề nghị

[ ] đã đề nghị. Nêu cụ thể:.....

[ ] dự kiến đề nghị. Nêu cụ thể:.....

[22] Danh sách tài liệu gửi kèm:.....

Tôi xin cam đoan tất cả thông tin đã khai trong Đề nghị này và các tài liệu gửi kèm là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về thông tin đã khai./.

....., ngày..... tháng..... năm.....

NGƯỜI ĐỀ NGHỊ

(Ký, ghi rõ họ tên; chức vụ và đóng dấu (nếu có))

Mẫu số: **01/DUQT**
(Ban hành kèm theo Thông tư số 80/2021/TT-BTC ngày 29 tháng 9 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

VĂN BẢN ĐỀ NGHỊ MIỄN (GIẢM) THUẾ THEO ĐIỀU ƯỚC QUỐC TẾ

1. Người đề nghị:.....

Địa chỉ:.....

Số điện thoại (Tel):.....

Số Fax (Fax):..... E-mail:.....

2. Đại diện được ủy quyền: (*trường hợp tổ chức, cá nhân nước ngoài ủy quyền cho một tổ chức hoặc cá nhân Việt Nam thực hiện các thủ tục đề nghị miễn, giảm thuế*).

Tên đầy đủ (viết hoa):.....

Số Giấy phép kinh doanh/Giấy phép hành nghề số:.....

Ngày cấp...../...../..... Cơ quan cấp.....

Địa chỉ:.....

Số điện thoại:..... Số Fax:..... E-mail: .....

Mã số thuế:.....

Giấy ủy quyền số:..... ngày..... tháng..... năm .....

3. Thông tin về giao dịch phát sinh đề nghị miễn thuế:

3.1. (Giải trình tóm tắt về hoạt động kinh doanh/giao dịch phát sinh doanh thu. Nêu rõ hoạt động kinh doanh/giao dịch thuộc phạm vi miễn, giảm thuế quy định tại Điều khoản cụ thể nào của Điều ước quốc tế):

.....

3.2. Giải trình khác:

.....

4. Tài liệu gửi kèm:

i) Bản chụp Điều ước quốc tế;

ii) Bản chụp hợp đồng với Bên Việt Nam;

iii) Bản dịch tóm tắt hợp đồng;

iv) Giấy ủy quyền[1].

Tôi cam đoan các thông tin, tài liệu đã cung cấp là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về các thông tin và tài liệu này./.

....., ngày..... tháng..... năm.....
ĐẠI DIỆN CÔNG TY
(ĐẠI DIỆN NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN)
(Ký tên, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu)

PHẦN DÀNH CHO CƠ QUAN ĐỀ XUẤT KÝ KẾT ĐIỀU ƯỚC QUỐC TẾ
Tên Cơ quan:.....
Xác nhận:
1..... (Tên Điều ước quốc tế)..... được ký ngày..../..../..... Cho đến nay..... (Tên Điều ước quốc tế)..... đã hết/vẫn còn hiệu lực thi hành.
2. Các khoản thu nhập của.....(Tên nhà thầu nước ngoài)....., địa chỉ:..... tại Hợp đồng (Tên hợp đồng kinh tế ký kết giữa nhà thầu nước ngoài và Bên Việt Nam) (đề nghị liệt kê chi tiết các khoản thu nhập nhà thầu nước ngoài thu được từ Hợp đồng ký với Bên Việt Nam - nếu có) được quy định tại Điều..., Khoản... của Hợp đồng thuộc phạm vi miễn, giảm thuế quy định tại Điều..., Khoản... của Điều ước quốc tế nêu trên.

....., ngày..... tháng..... năm.....
ĐẠI DIỆN CÓ THẨM QUYỀN
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

[1] Giấy ủy quyền cần có đủ chữ ký của đại diện hai Bên. Không cần công chứng hoặc chứng thực.

Mẫu số: **01/XOANO**
(Ban hành kèm theo Thông tư số 80/2021/TT-BTC ngày 29 tháng 9 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

TÊN CƠ QUAN CẤP TRÊN **TÊN CƠ QUAN THUẾ BAN HÀNH VĂN BẢN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số:...../..... V/v đề nghị xóa nợ tiền thuế, tiền chậm nộp, tiền phạt	*....., ngày..... tháng..... năm.....*

Kính gửi:... (Tên cơ quan cấp trên)...

Căn cứ Luật Quản lý thuế;

Căn cứ Điều.... Thông tư số.../.../TT-BTC ngày... tháng... năm... của Bộ trưởng Bộ Tài chính;

... (Tên cơ quan thuế ban hành văn bản)... đề nghị xóa nợ tiền thuế, tiền chậm nộp, tiền phạt cho... (tên người nộp thuế)..., mã số thuế:...., địa chỉ:...;[(1)]

Lý do đề nghị xóa nợ:....

Số tiền thuế, tiền chậm nộp, tiền phạt đề nghị xóa như sau:

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

STT	Loại thuế	Tiểu mục	Số tiền
1			
2			
...			
	Tổng cộng		

... (Tên cơ quan thuế ban hành văn bản)... gửi kèm văn bản này hồ sơ đề nghị xóa nợ cho người nộp thuế, bao gồm các tài liệu sau (ghi rõ tên tài liệu, bản chính hay bản sao):

1....

2....

...

... (Tên cơ quan thuế ban hành văn bản)... đề nghị... (Tên cơ quan cấp trên)... giải quyết theo quy định của pháp luật./.

***Nơi nhận*:**
- Như trên;
- ...;
- Lưu: VT,....

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN THUẾ
BAN HÀNH VĂN BẢN
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Ghi chú:

(1) *Trường hợp xóa nợ đối với cá nhân, cá nhân kinh doanh, chủ hộ gia đình, chủ hộ kinh doanh, chủ doanh nghiệp tư nhân và chủ công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên theo quy định tại khoản 3 Điều 85 Luật quản lý thuế thì phải có thêm nội dung về: họ và tên, số thẻ căn cước công dân hoặc giấy chứng minh nhân dân hoặc hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cá nhân, cá nhân kinh doanh, chủ hộ gia đình, chủ hộ kinh doanh, chủ doanh nghiệp tư nhân và chủ công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên.*

Mẫu số: **02/XOANO**
(Ban hành kèm theo Thông tư số 80/2021/TT-BTC ngày 29 tháng 9 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

TÊN CƠ QUAN CẤP TRÊN **TÊN CƠ QUAN BAN HÀNH VĂN BẢN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số:..... V/v không thuộc trường hợp được xóa nợ tiền thuế, tiền chậm nộp, tiền phạt	*....., ngày..... tháng..... năm.....*

Kính gửi:... (Tên cơ quan thuế đề nghị)...

Căn cứ Luật Quản lý thuế;

Căn cứ Điều... Thông tư số.../.../TT-BTC ngày... tháng... năm... của Bộ trưởng Bộ Tài chính;

Sau khi xem xét hồ sơ đề nghị xóa nợ tiền thuế, tiền chậm nộp, tiền phạt kèm theo công văn số... ngày... tháng... năm... của (tên cơ quan thuế đề nghị)...

... (Cơ quan ban hành văn bản)... thông báo:

Trường hợp của... (tên người nộp thuế)... không đủ điều kiện được xóa nợ tiền thuế, tiền chậm nộp, tiền phạt. Lý do:

1.....

2.....

...

... (Tên cơ quan thuế đề nghị)... có trách nhiệm đôn đốc người nộp thuế nộp đầy đủ số tiền thuế nợ vào ngân sách nhà nước theo quy định của pháp luật.

... (Cơ quan ban hành văn bản)... thông báo để...(tên cơ quan thuế đề nghị)... được biết./.

***Nơi nhận*:** - Như trên; - ..... (tên người nộp thuế)...; - ...; - Lưu: VT,....	**THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN BAN HÀNH VĂN BẢN** *(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)*

Mẫu số: **03/XOANO**
(Ban hành kèm theo Thông tư số 80/2021/TT-BTC ngày 29 tháng 9 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

TÊN CƠ QUAN CẤP TRÊN **TÊN CƠ QUAN BAN HÀNH VĂN BẢN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số:.../..... V/v bổ sung hồ sơ đề nghị xóa nợ tiền thuế, tiền chậm nộp, tiền phạt	*....., ngày..... tháng..... năm.....*

Kính gửi:... (Tên cơ quan thuế đề nghị)...

Căn cứ Luật Quản lý thuế;

Căn cứ Điều... Thông tư số.../.../TT-BTC ngày... tháng... năm... của Bộ trưởng Bộ Tài chính;

Sau khi xem xét hồ sơ đề nghị xóa nợ tiền thuế, tiền chậm nộp, tiền phạt kèm theo Công văn số..... ngày... tháng... năm... của... (Tên cơ quan thuế đề nghị)...

... (Tên cơ quan ban hành văn bản)... thông báo:

Hồ sơ đề nghị xóa nợ tiền thuế, tiền chậm nộp, tiền phạt của... (Tên cơ quan thuế đề nghị)... không đầy đủ theo quy định, cụ thể còn thiếu những nội dung và tài liệu sau đây:

.....

(Liệt kê những nội dung và tài liệu còn thiếu)

.....

Đề nghị... (Tên cơ quan thuế đề nghị)... bổ sung hồ sơ và gửi về... (Tên cơ quan ban hành văn bản)... Trường hợp không bổ sung được các tài liệu nêu trên...(Tên cơ quan thuế đề nghị)... có trách nhiệm đôn đốc người nộp thuế nộp đầy đủ tiền thuế, tiền chậm nộp, tiền phạt vào ngân sách nhà nước.

... (Tên cơ quan ban hành văn bản)... thông báo để... (Tên cơ quan thuế đề nghị)... biết và thực hiện./.

***Nơi nhận*:** - Như trên; - .....; - Lưu: VT,...	**THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN BAN HÀNH VĂN BẢN** *(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)*

Mẫu số: **04/XOANO**
(Ban hành kèm theo Thông tư số 80/2021/TT-BTC ngày 29 tháng 9 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

ỦY BAN NHÂN DÂN **TỈNH/TP...**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số:.../QĐ-UBND	*....., ngày..... tháng..... năm.....*

QUYẾT ĐỊNH
Về việc xoá nợ tiền thuế, tiền chậm nộp, tiền phạt đối với... (tên người nộp thuế)...

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH/THÀNH PHỐ...

Căn cứ Luật Quản lý thuế;

Căn cứ Điều... Thông tư số.../.../TT-BTC ngày... tháng... năm... của Bộ trưởng Bộ Tài chính;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Thuế tỉnh/thành phố.....

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Xóa nợ tiền thuế, tiền chậm nộp, tiền phạt tính đến thời điểm ngày... tháng... năm... đối với..... (Tên người nộp thuế)..., mã số thuế..., địa chỉ:...[(1)] với tổng số tiền là:... đồng (viết bằng chữ:...).

Lý do xóa nợ:... (ghi trường hợp xóa nợ theo quy định tại khoản... Điều 85 Luật Quản lý thuế)...

Số tiền thuế, tiền chậm nộp, tiền phạt được xóa cụ thể như sau:

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

STT	Loại thuế	Tiểu mục	Số tiền
1			
2			
...			
	Tổng cộng:		x

Người nộp thuế đồng thời được xóa khoản tiền chậm nộp phát sinh từ khoản tiền thuế, tiền phạt được xóa nêu trên (nếu có).

Cục trưởng Cục Thuế tỉnh/thành phố..... chịu trách nhiệm về tính chính xác của số liệu và các thông tin liên quan của hồ sơ đề nghị xóa nợ.

Điều 2. Căn cứ vào số tiền được xóa nêu tại Điều 1, Cục Thuế tỉnh/thành phố/Chi cục Thuế... điều chỉnh lại số tiền thuế nợ của... (tên người nộp thuế)...

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Cục trưởng Cục Thuế tỉnh/thành phố.... và (hoặc) Chi cục trưởng Chi cục Thuế... chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- ....;
- Lưu: VT,...

CHỦ TỊCH
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

(1) *Trường hợp xóa nợ đối với cá nhân, cá nhân kinh doanh, chủ hộ gia đình, chủ hộ kinh doanh, chủ doanh nghiệp tư nhân và chủ công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên theo quy định tại khoản 3 Điều 85 Luật Quản lý thuế thì phải có thêm nội dung về: họ và tên, số thẻ căn cước công dân hoặc giấy chứng minh nhân dân hoặc hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cá nhân, cá nhân kinh doanh, chủ hộ gia đình, chủ hộ kinh doanh, chủ doanh nghiệp tư nhân và chủ công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên.*

Mẫu số: **05/XOANO**
(Ban hành kèm theo Thông tư số 80/2021/TT-BTC ngày 29 tháng 9 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

BỘ TÀI CHÍNH **TỔNG CỤC THUẾ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số:.../QĐ-TCT	*....., ngày..... tháng..... năm.....*

QUYẾT ĐỊNH
Về việc xóa nợ tiền thuế, tiền chậm nộp, tiền phạt đối với... (tên người nộp thuế)...

TỔNG CỤC TRƯỞNG TỔNG CỤC THUẾ

Căn cứ Luật quản lý thuế;

Căn cứ Điều... Thông tư số.../.../TT-BTC ngày... tháng... năm... của Bộ trưởng Bộ Tài chính;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Quản lý nợ và cưỡng chế nợ thuế.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Xóa nợ tiền thuế, tiền chậm nộp, tiền phạt tính đến thời điểm ngày... tháng... năm... đối với.....(Tên người nộp thuế)..., mã số thuế..., địa chỉ:...(1) với tổng số tiền là:... đồng (viết bằng chữ:...).

Lý do xóa nợ:... (ghi trường hợp xóa nợ theo quy định tại khoản... Điều 85 Luật Quản lý thuế)...

Số tiền thuế, tiền chậm nộp, tiền phạt được xóa cụ thể như sau:

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

STT	Loại thuế	Tiểu mục	Số tiền
1			
2			
...			
	Tổng cộng:		x

Người nộp thuế đồng thời được xóa khoản tiền chậm nộp phát sinh từ khoản tiền thuế, tiền phạt được xóa nêu trên (nếu có).

Cục trưởng Cục Thuế tỉnh, thành phố... chịu trách nhiệm về tính chính xác của số liệu và các thông tin liên quan của hồ sơ đề nghị xóa nợ.

Điều 2. Căn cứ vào số tiền được xóa nêu tại Điều 1, Cục Thuế tỉnh, thành phố/Chi cục Thuế..... điều chỉnh lại số tiền thuế nợ của... (tên người nộp thuế)...

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký. Chánh Văn phòng Tổng cục Thuế, Vụ trưởng Vụ Quản lý nợ và cưỡng chế nợ thuế, Cục trưởng Cục Thuế tỉnh/thành phố.... và (hoặc) Chi cục trưởng Chi cục Thuế... chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- UBND tỉnh, TP...;
- ...;
- Lưu: VT,....

TỔNG CỤC TRƯỞNG
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

(1) *Trường hợp xóa nợ đối với cá nhân, cá nhân kinh doanh, chủ hộ gia đình, chủ hộ kinh doanh, chủ doanh nghiệp tư nhân và chủ công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên theo quy định tại khoản 3 Điều 85 Luật Quản lý thuế thì phải có thêm nội dung về: họ và tên, số thẻ căn cước công dân hoặc giấy chứng minh nhân dân hoặc hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cá nhân, cá nhân kinh doanh, chủ hộ gia đình, chủ hộ kinh doanh, chủ doanh nghiệp tư nhân và chủ công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên.*

Mẫu số: **06/XOANO**
(Ban hành kèm theo Thông tư số 80/2021/TT-BTC ngày 29 tháng 9 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

BỘ TÀI CHÍNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:... /QĐ-BTC

....., ngày..... tháng..... năm.....

QUYẾT ĐỊNH
Về việc xóa nợ tiền thuế, tiền chậm nộp, tiền phạt đối với... (tên người nộp thuế)...

BỘ TRƯỞNG BỘ TÀI CHÍNH

Căn cứ Luật Quản lý thuế;

Căn cứ Điều... Thông tư số.../.../TT-BTC ngày... tháng... năm... của Bộ trưởng Bộ Tài chính;

Theo đề nghị của Tổng cục trưởng Tổng cục Thuế.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Xóa nợ tiền thuế, tiền chậm nộp, tiền phạt tính đến thời điểm ngày... tháng... năm... đối với..... (Tên người nộp thuế)..., mã số thuế..., địa chỉ:...(1) với tổng số tiền là:... đồng (viết bằng chữ:...).

Lý do xóa nợ:... (ghi trường hợp xóa nợ theo quy định tại khoản... Điều 85 Luật Quản lý thuế)...

Số tiền thuế, tiền chậm nộp, tiền phạt được xóa cụ thể như sau:

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

STT	Loại thuế	Tiểu mục	Số tiền
1			
2			
...			
	Tổng số:		x

Người nộp thuế đồng thời được xóa khoản tiền chậm nộp phát sinh từ khoản tiền thuế, tiền phạt được xóa nêu trên (nếu có).

Cục trưởng Cục thuế tỉnh/thành phố... chịu trách nhiệm về tính chính xác của số liệu và các thông tin liên quan của hồ sơ đề nghị xóa nợ.

Điều 2. Căn cứ vào số tiền được xóa nêu tại Điều 1, Cục Thuế tỉnh, thành phố/Chi cục Thuế..... điều chỉnh lại số tiền thuế nợ của... (tên người nộp thuế)...

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký. Chánh Văn phòng Bọ tài chính, Tổng cục trưởng Tổng cục Thuế, Cục trưởng Cục Thuế tỉnh, thành phố.... và (hoặc) Chi cục trưởng Chi cục Thuế... chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- UBND tỉnh, TP...;
- ...;
- Lưu: VT,...

BỘ TRƯỞNG
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

(1) *Trường hợp xóa nợ đối với cá nhân, cá nhân kinh doanh, chủ hộ gia đình, chủ hộ kinh doanh, chủ doanh nghiệp tư nhân và chủ công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên theo quy định tại khoản 3 Điều 85 Luật Quản lý thuế thì phải có thêm nội dung về: họ và tên, số thẻ căn cước công dân hoặc giấy chứng minh nhân dân hoặc hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cá nhân, cá nhân kinh doanh, chủ hộ gia đình, chủ hộ kinh doanh, chủ doanh nghiệp tư nhân và chủ công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên.*

Mẫu số: **07/XOANO**
(Ban hành kèm theo Thông tư số 80/2021/TT-BTC ngày 29 tháng 9 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /QĐ-TTg

....., ngày..... tháng..... năm.....

QUYẾT ĐỊNH
Về việc xoá nợ tiền thuế, tiền chậm nộp, tiền phạt đối với... (tên người nộp thuế)...

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Quản lý thuế;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Xóa nợ tiền thuế, tiền chậm nộp, tiền phạt tính đến thời điểm ngày.../.../... đối với..... (Tên người nộp thuế)..., mã số thuế..., địa chỉ:...[(1)] với tổng số tiền là:... đồng (viết bằng chữ:...).

Lý do xóa nợ:... (ghi trường hợp xóa nợ theo quy định tại khoản... Điều 85 Luật Quản lý thuế)...

Số tiền thuế, tiền chậm nộp, tiền phạt được xóa cụ thể như sau:

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

STT	Loại thuế	Tiểu mục	Số tiền
1			
2			
...			
	Tổng cộng:		x

Người nộp thuế đồng thời được xóa khoản tiền chậm nộp phát sinh từ khoản tiền thuế, tiền phạt được xóa nêu trên (nếu có).

Cục trưởng Cục Thuế tỉnh/thành phố... chịu trách nhiệm về tính chính xác của số liệu và các thông tin liên quan của hồ sơ đề nghị xóa nợ.

Điều 2. Căn cứ vào số tiền được xóa nêu tại Điều 1, Cục Thuế tỉnh, thành phố/Chi cục Thuế..... điều chỉnh lại số tiền thuế nợ của... (tên người nộp thuế)...

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký. Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ, Bộ trưởng Bộ Tài chính, Tổng cục trưởng Tổng cục Thuế, Cục trưởng Cục Thuế tỉnh, thành phố....và (hoặc) Chi cục trưởng Chi cục Thuế... chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- UBND tỉnh, TP...;
- ...;
- Lưu: VT,...

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

(1) *Trường hợp xóa nợ đối với cá nhân, cá nhân kinh doanh, chủ hộ gia đình, chủ hộ kinh doanh, chủ doanh nghiệp tư nhân và chủ công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên theo quy định tại khoản 3 Điều 85 Luật Quản lý thuế thì phải có thêm nội dung về: họ và tên, số thẻ căn cước công dân hoặc giấy chứng minh nhân dân hoặc hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cá nhân, cá nhân kinh doanh, chủ hộ gia đình, chủ hộ kinh doanh, chủ doanh nghiệp tư nhân và chủ công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên.*

Mẫu số: **01/NDAN**
(Ban hành kèm theo Thông tư số 80/2021/TT-BTC ngày 29 tháng 9 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

TÊN NGƯỜI NỘP THUẾ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:.....
V/v đề nghị nộp dần tiền thuế nợ

....., ngày..... tháng..... năm.....

Kính gửi:..... (tên cơ quan thuế).....

Tên người nộp thuế:.....

Mã số thuế:.....

Địa chỉ nhận thông báo:.....

Điện thoại:..... E-mail:.....

Căn cứ quy định tại Điều.... Thông tư số.../.../TT-BTC ngày... tháng... năm... của Bộ trưởng Bộ Tài chính;

Căn cứ thư bảo lãnh số.... ngày... tháng... năm... của... (tên tổ chức bảo lãnh)...;

Tính đến ngày... tháng... năm...,.... (Tên người nộp thuế)... có tổng số tiền thuế nợ là:... đồng.

.... (Tên người nộp thuế)... đề nghị nộp dần tiền thuế nợ theo từng tháng, từ ngày... tháng... năm... đến ngày... tháng... năm..., cụ thể như sau:

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

STT	**Kỳ nộp dần**	**Khoản tiền thuế nợ được nộp dần**	**Tiểu mục**	**Số tiền nộp dần theo tháng**	**Thời hạn nộp dần**	**Ghi chú**
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
1	Tháng thứ nhất	Tổng cộng				
		Thuế...				
		Thuế...				
		....				
2	Tháng thứ hai	Tổng cộng				
		Thuế...				

STT	Kỳ nộp dần	Khoản tiền thuế nợ được nộp dần	Tiểu mục	Số tiền nộp dần theo tháng	Thời hạn nộp dần	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
		Thuế...				
		....				
3	Tháng thứ ba	Tổng cộng				
		Thuế...				
		Thuế...				
		....				
	Tháng thứ...					
	....					
	Tổng cộng:					

... (Tên người nộp thuế)... cam kết nộp đầy đủ số tiền thuế nợ phải nộp dần theo tháng và số tiền chậm nộp phát sinh (nếu có) đúng thời hạn quy định.

Tài liệu gửi kèm: (ghi rõ tên tài liệu, bản chính hay bản sao)

(1) Thư bảo lãnh;

(2) Quyết định cưỡng chế thi hành quyết định hành chính thuế (nếu có);

.....

Nơi nhận:
- Như trên;
- ....
- Lưu:VT,...

NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc
ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ
Ký, ghi rõ họ tên; chức vụ và đóng dấu (nếu có)

Mẫu số: **02/NDAN**
(Ban hành kèm theo Thông tư số 80/2021/TT-BTC ngày 29 tháng 9 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

TÊN CƠ QUAN THUẾ CẤP TRÊN **TÊN CƠ QUAN THUẾ BAN HÀNH VĂN BẢN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số:..... V/v yêu cầu thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh	*....., ngày..... tháng..... năm.....*

Kính gửi:
- ... (Tên tổ chức bảo lãnh)...;
- ... (Tên người nộp thuế được bảo lãnh)...

Căn cứ Luật Quản lý thuế;

Căn cứ Điều... Thông tư số.../.../TT-BTC ngày... tháng... năm... của Bộ trưởng Bộ Tài chính;

Căn cứ thư bảo lãnh.... phát hành ngày... tháng... năm... của... (tên tổ chức bảo lãnh, mã số thuế)... cho.... (tên người nộp thuế, mã số thuế)...;

Căn cứ Quyết định số.... ngày... tháng... năm.... của... (tên cơ quan thuế)..... về việc nộp dần tiền thuế nợ đối với..... (tên người nộp thuế)....

.... (Tên cơ quan thuế)..... thông báo đến... (tên Tổ chức bảo lãnh, mã số thuế)... về việc thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh đối với các khoản tiền thuế nợ của.... (tên người nộp thuế)....:

Ngày...tháng...năm... là ngày cuối cùng của thời hạn nộp dần tiền thuế nợ theo tháng..... theo Quyết định số.... ngày... tháng... năm... nêu trên nhưng bên được bảo lãnh là... (tên người nộp thuế được bảo lãnh, mã số thuế).... không nộp (hoặc nộp không đủ) vào ngân sách nhà nước.... (Tên cơ quan thuế) yêu cầu... (tên tổ chức bảo lãnh)... thực hiện nộp số tiền thuế nợ thay cho... (tên người nộp thuế được bảo lãnh, mã số thuế).... trong phạm vi bảo lãnh vào tài khoản thu ngân sách nhà nước số..... tại Kho bạc Nhà nước..... với số tiền là....., trong đó:

- Số tiền thuế nợ được nộp dần theo Quyết định số..... ngày... tháng... năm...:... đồng;
- Số tiền chậm nộp phát sinh:... đồng.

Nếu... (tên tổ chức bảo lãnh)... không thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh thì bị xử lý theo quy định tại khoản 2 Điều 144 Luật Quản lý thuế số 38/2019/QH14.

... (Tên cơ quan thuế)... thông báo để.... (tên tổ chức bảo lãnh)....,... (tên người nộp thuế được bảo lãnh)... biết và thực hiện./.

***Nơi nhận*:** - Như trên; - Lưu: VT,....	**THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN THUẾ** *(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)*

Mẫu số: **03/NDAN**
(Ban hành kèm theo Thông tư số 80/2021/TT-BTC ngày 29 tháng 9 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

TÊN CƠ QUAN THUẾ CẤP TRÊN **TÊN CƠ QUAN THUẾ** **BAN HÀNH THÔNG BÁO**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số:...../TB-.....	*....., ngày..... tháng..... năm.....*

THÔNG BÁO
Về việc không chấp thuận nộp dần tiền thuế nợ

Căn cứ Luật Quản lý thuế;

Căn cứ Điều.... Thông tư số.../.../TT-BTC ngày... tháng... năm... của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

Sau khi xem xét văn bản số... ngày... tháng... năm... kèm theo hồ sơ đề nghị nộp dần tiền thuế nợ của.... (tên người nộp thuế)...., mã số thuế:....., địa chỉ nhận thông báo:...

... (Tên cơ quan thuế)..... thông báo:

..... (Tên người nộp thuế) không thuộc trường hợp được nộp dần tiền thuế nợ. Lý do:

- .....

- .....

... (Tên người nộp thuế) có nghĩa vụ nộp ngay số tiền thuế nợ vào ngân sách nhà nước theo quy định của pháp luật.

Cơ quan thuế thông báo để... (tên người nộp thuế).... biết và thực hiện./.

***Nơi nhận*:** - ... (tên người nộp thuế)..; - ... (tên tổ chức bảo lãnh)...; - .... - Lưu: VT,....	**THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN THUẾ** *(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)*

Mẫu số: **04/NDAN**
(Ban hành kèm theo Thông tư số 80/2021/TT-BTC ngày 29 tháng 9 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

TÊN CƠ QUAN THUẾ CẤP TRÊN
TÊN CƠ QUAN THUẾ
BAN HÀNH QUYẾT ĐỊNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:...../QĐ-...

....., ngày..... tháng..... năm.....

QUYẾT ĐỊNH
Về việc nộp dần tiền thuế nợ

CỤC TRƯỞNG CỤC THUẾ...
hoặc CHI CỤC TRƯỞNG CHI CỤC THUẾ....

Căn cứ Luật Quản lý thuế;

Căn cứ Điều... Thông tư số.../.../TT-BTC ngày... tháng... năm... của Bộ trưởng Bộ Tài chính;

Căn cứ đề nghị nộp dần tiền thuế nợ của..... (tên người nộp thuế) tại văn bản số.... ngày... tháng... năm... và hồ sơ kèm theo;

Theo đề nghị của Trưởng phòng.../Đội trưởng....

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. ... (Tên người nộp thuế, mã số thuế, địa chỉ) được nộp dần tiền thuế nợ theo từng tháng, từ ngày... tháng... năm... đến ngày... tháng... năm..., cụ thể như sau:

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

STT	Kỳ nộp dần	Khoản tiền thuế nợ được nộp dần	Tiểu mục	Số tiền nộp dần theo tháng	Thời hạn nộp dần	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
1	Tháng thứ nhất	Tổng cộng				
		Thuế...				
		Thuế...				
		....				
2	Tháng thứ hai	Tổng cộng				
		Thuế...				

STT	Kỳ nộp dần	Khoản tiền thuế nợ được nộp dần	Tiểu mục	Số tiền nộp dần theo tháng	Thời hạn nộp dần	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
		Thuế...				
		....				
3	Tháng thứ ba	Tổng cộng				
		Thuế...				
		Thuế...				
		....				
	Tháng thứ...					
	....					
	Tổng cộng:					

Điều 2.... (Tên cơ quan thuế ban hành quyết định).... chưa thực hiện biện pháp cưỡng chế thuế đối với số tiền thuế nợ được nộp dần trong thời gian nộp dần tiền thuế nợ.... (Tên người nộp thuế)... phải tự xác định số tiền chậm nộp phát sinh hàng tháng để nộp cùng với số tiền thuế nợ được nộp dần chậm nhất là vào ngày cuối cùng của tháng. Quá thời hạn nộp dần tiền thuế nợ theo từng tháng mà..... (tên người nộp thuế).... không nộp hoặc nộp không đủ thì tổ chức bảo lãnh có trách nhiệm nộp thay cho người nộp thuế trong phạm vi bảo lãnh.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.... (tên người nộp thuế);... (tên tổ chức bảo lãnh); Trưởng phòng..../Đội trưởng.... (các phòng/đội có liên quan)... chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

***Nơi nhận*:**
- Như Điều 3;
- .....
- Lưu: VT,....

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN THUẾ
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Mẫu số: **05NDAN**
(Ban hành kèm theo Thông tư số 80/2021/TT-BTC ngày 29 tháng 9 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

TÊN CƠ QUAN THUẾ CẤP TRÊN **TÊN CƠ QUAN THUẾ BAN HÀNH VĂN BẢN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số:...../..... V/v xác minh thông tin	*....., ngày..... tháng..... năm.....*

Kính gửi:... (Tên tổ chức bảo lãnh)...

Căn cứ Luật Quản lý thuế;

Căn cứ Điều... Thông tư số.../.../TT-BTC ngày... tháng... năm... của Bộ trưởng Bộ Tài chính;

..... (Tên cơ quan thuế ban hành văn bản) đề nghị.... (tên tổ chức bảo lãnh).... xác nhận về một số nội dung tại thư bảo lãnh số.... ngày... tháng... năm... do.... (tên tổ chức bảo lãnh)... phát hành như sau:

1. .....

2. .....

.....

Đề nghị quý cơ quan phúc đáp cho... (tên cơ quan thuế)... trong thời hạn.... ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản này.

Trân trọng cảm ơn sự phối hợp của quý cơ quan./.

***Nơi nhận*:** - Như trên; - .... - Lưu: VT,....	**THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN THUẾ** *(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)*

Mẫu số: **01/ĐNXN**
(Ban hành kèm theo Thông tư số 80/2021/TT-BTC ngày 29 tháng 9 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

VĂN BẢN ĐỀ NGHỊ XÁC NHẬN VIỆC THỰC HIỆN NGHĨA VỤ THUẾ VỚI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

Kính gửi:..... <Tên cơ quan thuế>.....

☐ Xác nhận việc thực hiện nghĩa vụ thuế với ngân sách nhà nước

☐ Xác nhận số thuế đã nộp ngân sách nhà nước

☐ Xác nhận cho Nhà thầu nước ngoài không trực tiếp kê khai, nộp thuế với cơ quan thuế mà do tổ chức, cá nhân Bên Việt Nam khấu trừ, nộp thay

[01] Tên người nộp thuế:.....

[02] Mã số thuế: ☐☐☐☐☐☐☐☐☐☐ ☐☐☐

[03] Tên đại lý thuế (nếu có):.....

[04] Mã số thuế: ☐☐☐☐☐☐☐☐☐☐ ☐☐☐

[05] Hợp đồng đại lý thuế: Số..... ngày.....

Căn cứ quy định tại Luật Quản lý thuế và các văn bản hướng dẫn Luật Quản lý thuế, đề nghị cơ quan thuế xác nhận việc thực hiện nghĩa vụ thuế như sau:

<Trường hợp đề nghị xác nhận việc thực hiện nghĩa vụ thuế với ngân sách nhà nước, thì ghi:>

1. Thời gian đề nghị xác nhận (năm dương lịch): <Ghi cụ thể thời gian theo kỳ tính thuế>

2. Thông tin nghĩa vụ thuế đề nghị xác nhận:

STT	Mã số thuế	Tên người nộp thuế	Chương	Tiểu mục	Loại tiền	Số tiền thuế, tiền chậm nộp, tiền phạt phải nộp	Số tiền thuế, tiền chậm nộp, tiền phạt đã nộp	Số tiền thuế, tiền chậm nộp, tiền phạt còn phải nộp hoặc nộp thừa (+/-)	Số tiền thuế GTGT, TTĐB còn được khấu trừ	Cơ quan thu
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)
TỔNG CỘNG: *(Chi tiết theo từng loại tiền)*										

3. Lý do đề nghị:.....

<Trường hợp đề nghị xác nhận số thuế đã nộp ngân sách nhà nước, thì ghi:>

1. Thời gian nộp tiền vào ngân sách nhà nước (trong năm dương lịch) đề nghị xác nhận: Từ ngày.../.../.... đến ngày.../.../....:

2. Thông tin số thuế đã nộp ngân sách nhà nước đề nghị xác nhận:

☐ Theo loại thuế:

STT	**Mã số thuế**	**Tên người nộp thuế**	**Tên loại thuế, tiền chậm nộp, tiền phạt**	**Chương**	**Tiểu mục**	**Loại tiền**	**Số tiền thuế, tiền chậm nộp, tiền phạt đã nộp**	**Cơ quan thu**
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
TỔNG CỘNG: *(Chi tiết theo từng loại tiền)*								

☐ Theo chứng từ nộp thuế:

STT	**Mã số thuế**	**Tên người nộp thuế**	**Số chứng từ nộp NSNN**	**Ngày chứng từ nộp NSNN**	**Mã ID khoản phải nộp (nếu có)**	**Nội dung nộp NSNN**	**Chương**	**Tiểu mục**	**Số tiền**	**Loại tiền**	**Cơ quan thu**	**Ghi chú**
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(11)	(12)	(13)	(14)
TỔNG CỘNG: *(Chi tiết theo từng loại tiền)*												

3. Lý do đề nghị:

4. Thông tin, tài liệu gửi kèm *(ghi rõ tên tài liệu, bản chính, bản sao)*:

.....

.....

5. Hình thức đề nghị nhận kết quả xác nhận:

☐ Qua tài khoản giao dịch thuế điện tử tại: <Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế hoặc Cổng dịch vụ công quốc gia>

☐ Qua bưu điện theo địa chỉ:.....

..., ngày....tháng.....năm.....

NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ Họ và tên:..... Chứng chỉ hành nghề số:.....	**NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ** *(Chữ ký, ghi rõ họ tên; chức vụ và đóng dấu (nếu có)/Ký điện tử)*

Ghi chú:

- Người nộp thuế chỉ được lựa chọn một trong ba nút tích đề nghị xác nhận.

- Trường hợp thực hiện xác nhận cho Nhà thầu nước ngoài không trực tiếp kê khai, nộp thuế với cơ quan thuế mà do tổ chức, cá nhân Bên Việt Nam khấu trừ, nộp thay thì tích chọn Xác nhận cho Nhà thầu nước ngoài không trực tiếp kê khai, nộp thuế với cơ quan thuế mà do tổ chức, cá nhân Bên Việt Nam khấu trừ, nộp thay.

- Cột Mã số thuế, tên NNT trong bảng: Người nộp thuế ghi theo mã số thuế và tên người nộp thuế đề nghị xác nhận, đơn vị phụ thuộc của người nộp thuế. Trường hợp tích vào nút "Xác nhận cho Nhà thầu nước ngoài không trực tiếp kê khai, nộp thuế với cơ quan thuế mà do tổ chức, cá nhân Bên Việt Nam khấu trừ, nộp thay" thì ghi thông tin tại chỉ tiêu [02] là mã số thuế nộp thay của Bên Việt Nam, còn Cột Mã số thuế, tên NNT trong bảng ghi mã số thuế của nhà thầu nước ngoài cần xác nhận nghĩa vụ thuế.

- Trường hợp đề nghị xác nhận số thuế đã nộp NSNN, tại Điểm 2 Người nộp thuế chỉ được lựa chọn một trong hai đề nghị xác nhận: theo loại thuế hoặc theo chứng từ nộp thuế.

- Cột ghi chú (14) tại bảng Theo chứng từ nộp thuế tại Điểm 2. Thông tin số thuế đã nộp ngân sách nhà nước đề nghị xác nhận được sử dụng để ghi các thông tin thay đổi trong trường hợp chứng từ nộp thuế đã được điều chỉnh thông qua tra soát hoặc các trường hợp khác làm thay đổi thông tin chứng từ nộp thuế ban đầu.

Mẫu số: **01/TB-XNNV**
(Ban hành kèm theo Thông tư số 80/2021/TT-BTC ngày 29 tháng 9 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

TÊN CƠ QUAN CẤP TRÊN
TÊN CƠ QUAN THUẾ BAN HÀNH THÔNG BÁO

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:...../TB-...

....., *ngày.... tháng..... năm.....*

THÔNG BÁO
Về việc <xác nhận/không xác nhận> việc thực hiện nghĩa vụ thuế với ngân sách nhà nước

Căn cứ quy định tại Luật Quản lý thuế và các văn bản hướng dẫn Luật Quản lý thuế;

Căn cứ Văn bản đề nghị xác nhận việc thực hiện nghĩa vụ thuế với ngân sách nhà nước số..... ngày.../.../..... của <tên người nộp thuế>, <mã số thuế> gửi cơ quan thuế ngày.../.../.....;

Căn cứ thông tin người nộp thuế đề nghị và thông tin quản lý thuế trên Hệ thống ứng dụng quản lý thuế của cơ quan thuế tính đến ngày..../..../...., cơ quan thuế thông báo như sau:

<Trường hợp xác nhận việc thực hiện nghĩa vụ thuế với ngân sách nhà nước, thì ghi:>

1. Thời gian thực hiện nghĩa vụ thuế (năm dương lịch): <Ghi cụ thể thời gian cụ thể theo kỳ tính thuế>

2. Thông tin thực hiện nghĩa vụ thuế:

STT	Mã số thuế	Tên người nộp thuế	Chương	Tiểu mục	Loại tiền	Số tiền thuế, tiền chậm nộp, tiền phạt phải nộp	Số tiền thuế, tiền chậm nộp, tiền phạt đã nộp	Số tiền thuế, tiền chậm nộp, tiền phạt còn phải nộp hoặc nộp thừa (+/-)	Số tiền thuế GTGT, TTĐB còn được khấu trừ	Cơ quan thu	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)
TỔNG CỘNG: *(Chi tiết theo từng loại tiền)*											

3. Thông tin vi phạm hành chính thuế của người nộp thuế (nếu có):.....

<Trường hợp xác nhận số thuế đã nộp ngân sách nhà nước, thì ghi:>

1. Thời gian nộp tiền vào ngân sách nhà nước (trong năm dương lịch): Từ ngày.../.../.... đến ngày.../.../....:

2. Thông tin số thuế đã nộp ngân sách nhà nước:

a) Theo loại thuế:

STT	Mã số thuế	Tên người nộp thuế	Tên loại thuế, tiền chậm nộp, tiền phạt	Chương	Tiểu mục	Loại tiền	Số tiền thuế, tiền chậm nộp, tiền phạt đã nộp	Cơ quan thu	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
TỔNG CỘNG: *(Chi tiết theo từng loại tiền)*									

b) Theo chứng từ nộp thuế:

STT	Mã số thuế	Tên người nộp thuế	Số chứng từ	Ngày chứng từ	Mã ID khoản phải nộp (nếu có)	Nội dung nộp NSNN	Chương	Tiểu mục	Số tiền	Loại tiền	Cơ quan thu	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
TỔNG CỘNG: *(Chi tiết theo từng loại tiền)*												

<Trường hợp không xác nhận việc thực hiện nghĩa vụ thuế/số thuế đã nộp NSNN theo đề nghị của người nộp thuế, thì ghi:>

Cơ quan thuế không xác nhận <việc thực hiện nghĩa vụ thuế/số thuế đã nộp NSNN> theo đề nghị của người nộp thuế.

Lý do:.....

Nếu có vướng mắc, đề nghị người nộp thuế liên hệ với <Tên cơ quan thuế, bộ phận mà người nộp thuế có thể liên hệ, địa chỉ cơ quan thuế> để được hỗ trợ.

<Tên Cơ quan thuế> thông báo để người nộp thuế được biết./.

Nơi nhận:
- <Tên NNT, địa chỉ của NNT>;
- <Tên CQT có liên quan>;
- <Tên các bộ phận có liên quan>;
- Lưu: VT, Bộ phận ban hành TB.

QUYỀN HẠN, CHỨC VỤ CỦA NGƯỜI KÝ (1)
(Chữ ký, ghi rõ họ tên; chức vụ và đóng dấu (nếu có)/Ký điện tử)

Ghi chú:
(1): Thủ trưởng cơ quan thuế hoặc thừa ủy quyền theo quy định.

Mẫu số: **03/HTQT**
(Ban hành kèm theo Thông tư số 80/2021/TT-BTC ngày 29 tháng 9 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

GIẤY ĐỀ NGHỊ XÁC NHẬN SỐ THUẾ ĐÃ NỘP TẠI VIỆT NAM THEO HIỆP ĐỊNH THUẾ GIỮA VIỆT NAM VÀ...
(tên Nước/Vùng lãnh thổ ký kết)
(Dành cho các tổ chức, cá nhân là đối tượng cư trú nước ngoài)

Đề nghị đánh dấu (x) vào ô trống thích hợp:

□ Áp dụng cho tổ chức *□ Áp dụng cho cá nhân*

I. ĐỐI TƯỢNG ĐỀ NGHỊ

1. Người nộp thuế:

1.1	Tên đầy đủ:..... *Giấy phép kinh doanh hoặc Giấy phép hành nghề □ Hộ chiếu □* Số:..... Ngày cấp:...../...../..... tại..... Cơ quan cấp.....			
1.2	Tên sử dụng trong giao dịch.....			
1.3.a	Địa chỉ tại Việt Nam..... Số điện thoại:..... Số Fax:..... E-mail:..... Địa chỉ trên là: *Văn phòng ĐD □ Cơ sở thường trú □ Nơi làm việc □ Nơi lưu trú □* *Khác □ Nêu rõ*:.....			
1.3.b	Địa chỉ giao dịch tại Việt Nam *(nếu khác với địa chỉ nêu trên)*..... Số điện thoại:..... Số Fax:..... E-mail:.....			
1.4	Mã số thuế tại Việt Nam *(nếu có)*:.....			
1.5	Thời gian có mặt tại Việt Nam hoặc thực hiện hoạt động tại Việt Nam:.....			
1.6	Địa chỉ tại Nước ký kết:..... Số điện thoại:..... Số Fax:..... E-mail:.....			
1.7	Tư cách pháp lý			
	Pháp nhân	□	*Cá nhân hành nghề độc lập*	□
	Liên danh không tạo pháp nhân	□	*Cá nhân hành nghề phụ thuộc*	□
	Khác *Nêu rõ*.....	□		
1.8	Mã số thuế tại Nước ký kết *(nếu có)*.....			

2. Đại diện được ủy quyền[1] : □

2.1	Tên đầy đủ:..... *Giấy phép kinh doanh hoặc Giấy phép hành nghề* □ *CMND/CCCD* □ *Hộ chiếu* □ Số:..... Ngày cấp:...../...../..... tại..... Cơ quan cấp.....			
2.2	Địa chỉ:..... Số điện thoại:..... Số Fax:..... E-mail:.....			
2.3	Mã số thuế (nếu có):.....			
2.4	Tư cách pháp lý			
	Pháp nhân	□	*Cá nhân hành nghề phụ thuộc*	□
	Liên doanh không tạo thành pháp nhân	□	*Khác*	□
	Đại lý thuế (nếu có)	□	*Nêu rõ:*.....	

II. ĐỐI TƯỢNG CHI TRẢ THU NHẬP

(Trường hợp nhiều đối tượng chi trả thu nhập, phải lập bảng kê kèm theo Giấy đề nghị này)

1	Tên đầy đủ:..... *Giấy phép kinh doanh hoặc Giấy phép hành nghề* □ *CMND/CCCD* □ *Hộ chiếu* □ Số:..... Ngày cấp:...../...../..... tại..... Cơ quan cấp.....			
2	Địa chỉ:..... Số điện thoại:..... Số Fax:..... E-mail:.....			
3	Mã số thuế (nếu có):.....			
4	Tư cách pháp lý			
	Pháp nhân	□	*Cá nhân hành nghề phụ thuộc*	□
	Liên danh không tạo pháp nhân	□	*Khác* *Nêu rõ:*.....	□

[1] Trường hợp đối tượng nộp thuế ủy quyền cho đại diện hợp pháp thực hiện các thủ tục áp dụng Hiệp định thuế, bên được ủy quyền phải kê khai đầy đủ các thông tin kể cả phần I.2. của Giấy đề nghị này.

III. NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ

1. Năm đề nghị áp dụng Hiệp định thuế:.....

2. Đối tượng đề nghị, tùy theo mục đích xin áp dụng Hiệp định thuế, lựa chọn và điền các thông tin được ghi tại các mục từ mục a đến b dưới đây.

a. Xác nhận số thuế đã nộp tại Việt Nam: □

a.1. Số thu nhập chịu thuế tại Việt Nam:.....

a.2. Loại thu nhập:.....

a.3. Thời gian phát sinh thu nhập:.....

a.4. Số thuế đã nộp:.....

b. Xác nhận số thuế phát sinh tại Việt Nam nhưng không phải nộp do được hưởng ưu đãi thuế: □

b.1. Số thu nhập thuộc diện được ưu đãi:.....

b.2. Loại thu nhập:.....

b.3. Thời gian phát sinh thu nhập:.....

b.4. Số thuế/thuế suất ưu đãi:.....

IV. THÔNG TIN VỀ GIAO DỊCH PHÁT SINH THU NHẬP LIÊN QUAN ĐẾN SỐ THUẾ ĐỀ NGHỊ ÁP DỤNG HIỆP ĐỊNH THUẾ

1. Giải trình tóm tắt về giao dịch:

.....

.....

2. Giải trình khác:

.....

3.Tài liệu gửi kèm:

1. .....

2. .....

3. .....

Tôi cam đoan các thông tin, tài liệu đã cung cấp là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về các thông tin, tài liệu này./.

Ngày..... tháng..... năm.....

NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ	**NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc**
Họ và tên:.....	**ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ**
Chứng chỉ hành nghề số:.....	*(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu)*

Mẫu số: **04/HTQT**
(Ban hành kèm theo Thông tư số 80/2021/TT-BTC ngày 29 tháng 9 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài

TỔNG CỤC THUẾ
General Department of Taxation
CỤC THUẾ.....
Tax Department of.....
Số (No.):

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
SOCIALIST REPUBLIC OF VIET NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Independence - Freedom - Happiness

....., ngày (day)..... tháng (month)..... năm (year).....

GIẤY XÁC NHẬN THUẾ THU NHẬP ĐÃ NỘP TẠI VIỆT NAM
Certificate of Income Tax Paid in Viet Nam

(Sử dụng cho thuế thu nhập cá nhân hoặc thu nhập doanh nghiệp)
To be used for Personal Income Tax or Business Income Tax

I. NGƯỜI NỘP THUẾ:
TAXPAYER

Đánh dấu (x) vào ô trống thích hợp:

□ Áp dụng cho tổ chức □ Áp dụng cho cá nhân

Tick off (x) in the relevant box: □ for Entity □ for Individual

1.	Tên đầy đủ..... *Full name*..... Giấy phép thành lập □ CMND/CCCD □ Hộ chiếu □ *Incorporation license ID Passport* Số/*No.*:..... Ngày cấp:...../...../..... tại..... Cơ quan cấp..... *Date of issue: dd/mm/yy in Issuing agency*
2.	Tên sử dụng trong giao dịch..... *Name used in transaction*
3.	Tư cách pháp lý *(Legal status)* Pháp nhân □ Cá nhân hành nghề phụ thuộc □ *Legal Entity Individual practicing dependent service* Liên danh không tạo pháp nhân □ Cá nhân hành nghề độc lập □ *Partnership not forming legal entity Individual practicing independent service* Khác □ Nêu rõ:..... *Other Specify*

4.	Đối tượng cư trú của nước *Resident of*..... Việt Nam □ Nước ký kết □ Nước khác □ *Viet Nam* *Contracting State* *Other*
5.	Giấy phép kinh doanh tại Việt Nam số *(nếu có):*..... *Number of business license in Viet Nam (if any)*..... Ngày cấp...../...../..... tại..... Cơ quan cấp..... *Date of issue* *in* *issuing agency*
6.	Mã số thuế tại Việt Nam *(nếu có)*..... *Tax Identification Number in Viet Nam (if any)*.....
7.	Địa chỉ tại Việt Nam *Address in Viet Nam*..... Số điện thoại/*Tel*:..... Số Fax/*Fax*:..... E-mail:..... Địa chỉ trên là: *This address is*: Trụ sở chính □ Nơi làm việc □ *Headquarters* *Office* Văn phòng ĐD □ Nơi lưu trú □ *Representative Office* *Domicile* Cơ sở thường trú □ Khác □ Nêu rõ:..... *Permanent Establishment* *Other* *Specify*
8.	Địa chỉ tại nước liên quan *(Nước kí kết hoặc nước khác theo thông tin tại điểm I.4):* *Address in relevant State (Contracting State or other in conformity with information in I.4 section)*..... Số điện thoại/*Tel*:..... Số Fax/*Fax*:..... E-mail:..... Địa chỉ trên là: *This address is*: Trụ sở chính □ Nơi làm việc □ *Headquarters* *Office* Văn phòng ĐD □ Nơi lưu trú □ *Representative Office* *Domicile* Cơ sở thường trú □ Khác □ Nêu rõ:..... *Permanent Establishment* *Other* *Specify*

II. XÁC NHẬN SỐ THUẾ ĐÃ NỘP

Certifying tax paid

1. Kỳ tính thuế

Taxable period

từ ngày...../...../..... đến...../...../.....

From dd/mm/yy to dd/mm/yy

2. Thuế đã nộp

Tax paid

Loại thu nhập ***Type of Income***	**Số thu nhập chịu thuế** ***Taxable income***	**Số thuế phải nộp** ***Tax payable***			**Số thuế đã nộp*** ***Tax paid***	**Ngày nộp** ***Due date***
		Số thuế phải nộp ***Total of tax payable***	**Số thuế thực phải nộp** ***Actual tax due***	**Số thuế được miễn giảm** ***Exempted or reduced amount of tax***		
Tổng cộng						

* *Tổng số thuế đã nộp bằng chữ (Total tax paid in words):.....*

Cục Thuế tỉnh/thành phố..... xác nhận đã thu (và/hoặc miễn, giảm) số thuế thu nhập của đối tượng nộp thuế nêu trên.

It is hereby certified that the Tax Department of..... has received (and/or granted the exemption, the reduction of) the mentioned income tax amount from (to) the above taxpayer.

CỤC TRƯỞNG CỤC THUẾ.....
Director of Tax Department of.....
(Ký, ghi rõ họ tên, và đóng dấu) - (Sign, name and seal)

Mẫu số: **05/HTQT**
(Ban hành kèm theo Thông tư số 80/2021/TT-BTC ngày 29 tháng 9 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

TỔNG CỤC THUẾ
General Department of Taxation
Cục Thuế.....
Tax Department of.....
Số (No.):

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
SOCIALIST REPUBLIC OF VIET NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Independence - Freedom - Happiness

....., ngày (day)..... tháng (month).... năm (year).....

GIẤY XÁC NHẬN THUẾ THU NHẬP ĐÃ NỘP TẠI VIỆT NAM ĐỐI VỚI THU NHẬP TỪ TIỀN LÃI CỔ PHẦN, LÃI TIỀN CHO VAY, TIỀN BẢN QUYỀN HOẶC PHÍ DỊCH VỤ KỸ THUẬT
CERTIFICATE OF TAX PAID ON DIVIDEND, INTEREST, ROYALTY OR TECHNICAL FEE

Cục Thuế tỉnh/thành phố..... xác nhận đã thu (và/hoặc miễn, giảm) số thuế thu nhập của đối tượng nộp thuế dưới đây đối với thu nhập từ:

The Tax Department of..... certifies that it has received (and/or granted the exemption, the reduction of) the income tax amount from (to) the following taxpayer in respect of income on:

Tiền lãi cổ phần □ Lãi tiền cho vay □ Tiền bản quyền □ Phí dịch vụ kỹ thuật □

Dividend *Interest* *Royalty* *Technical fee*

Đối tượng thực hưởng *(beneficial owner)*

Tên *(Name)*:.....

Địa chỉ *(kinh doanh hoặc nơi cư trú)*:.....

Address (of business or resident place)

Mã số thuế (hoặc CMND/CCCD/hộ chiếu):.....

Tax identification number (or I.D card/passport)

Đối tượng được ủy quyền nhận thu nhập (trong trường hợp không phải là đối tượng thực hưởng)

Designated person as beneficiary (other than the beneficial owner)

Tên *(Name)*:.....

Địa chỉ (kinh doanh hoặc nơi cư trú):.....

Address (of business or resident place)

Mã số thuế (hoặc CMND/CCCD/hộ chiếu):.....

Tax identification number (or I.D card/passport)

Đối tượng trả thu nhập *(Income payer)*

Tên *(Name)*:.....

Địa chỉ (kinh doanh hoặc nơi cư trú):.....

Address (of business or resident place)

Mã số thuế (hoặc CMND/CCCD/hộ chiếu):.....

Tax identification number (or I.D card/passport)

Lý do chi trả thu nhập *(reason for which the payment is made)*:

.....

.....

.....

.....

Thu nhập chịu thuế ***Taxable income***	**Số thuế phải nộp** ***Tax payable***			**Số thuế đã nộp*** ***Tax paid***	**Ngày nộp** ***Due date***
	Tổng số thuế phải nộp ***Total of tax payable***	**Số thuế thực phải nộp** ***Actual tax due***	**Số thuế được miễn giảm** ***Exempted or reduced amount of tax***		

* *Số thuế đã nộp bằng chữ (Tax paid amount in words):*.....

.....

CỤC TRƯỞNG CỤC THUẾ.....
Director of Tax Department of.....
(Ký, ghi rõ họ tên, và đóng dấu) - (Sign, name and seal)

Mẫu số: **06/HTQT**
(*Ban hành kèm theo Thông tư số 80/2021/TT-BTC ngày 29 tháng 9 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính*)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

..., ngày..... tháng..... năm....

Kính gửi:.....

GIẤY ĐỀ NGHỊ XÁC NHẬN CƯ TRÚ CỦA VIỆT NAM

(Dành cho các tổ chức, cá nhân là đối tượng cư trú của Việt Nam)

I. Người nộp thuế:

Đánh dấu (x) vào ô trống thích hợp:

□ Áp dụng cho tổ chức *□ Áp dụng cho cá nhân*

1	Tên đầy đủ:..... *Giấy phép kinh doanh hoặc Giấy phép hành nghề □* *CMND/CCCD □* *Hộ chiếu □* Số:..... Ngày cấp:...../...../..... tại..... Cơ quan cấp.....
2	Tên sử dụng trong giao dịch.....
3	Tư cách pháp lý *Pháp nhân □* *Cá nhân hành nghề độc lập □* *Liên danh không tạo pháp nhân □* *Cá nhân hành nghề phụ thuộc □* *Khác □* *Nêu rõ:*.....
4.a	Địa chỉ tại Việt Nam:..... Số điện thoại:..... Số Fax:..... E-mail:..... Địa chỉ trên là: *Trụ sở chính □* *Nhà ở thường trú □* *Khác □* *Nêu rõ*.....
4.b	Địa chỉ giao dịch tại Việt Nam *(nếu khác với địa chỉ nêu trên)*..... Số điện thoại:..... Số Fax:..... E-mail:.....
5	Quốc tịch: *Việt Nam □* *Nước kí kết □* *Nước khác □*.....
6	Mã số thuế tại Việt Nam *(nếu có)*:.....
7.a	Địa chỉ tại Nước ký kết:..... Số điện thoại:..... Số Fax:..... E-mail:..... Địa chỉ trên là *Văn phòng ĐD □* *Cơ sở thường trú □* *Nơi làm việc □* *Nơi lưu trú □* *Khác □* *Nêu rõ*.....
7.b	Địa chỉ giao dịch tại Nước ký kết *(nếu khác với địa chỉ nêu trên)*..... Số điện thoại:..... Số Fax:..... E-mail:.....
8	Mã số thuế tại Nước ký kết *(nếu có)*:.....

Năm đề nghị xác nhận đối tượng cư trú: từ..... đến.....

Thời gian có mặt tại Việt Nam trong các năm xin xác nhận cư trú *(chỉ áp dụng đối với cá nhân)*

1. .....
2. .....
3. .....

Nguồn thu nhập chủ yếu của bản thân cá nhân trong các năm nói trên phát sinh từ ***(chỉ áp dụng đối với cá nhân)***:

Việt Nam □ Nước ký kết □ Nước khác □.....

II. Đại diện được ủy quyền[1]:□

<table>
<tr><td>1</td><td colspan="4">Tên đầy đủ:.....
Giấy phép kinh doanh hoặc Giấy phép hành nghề □
CMND/CCCD □ Hộ chiếu □
Số:.....
Ngày cấp:...../...../..... tại..... Cơ quan cấp.....</td></tr>
<tr><td>2</td><td colspan="4">Địa chỉ giao dịch:.....
Số điện thoại:..... Số Fax:..... E-mail:.....</td></tr>
<tr><td>3</td><td colspan="4">Mã số thuế *(nếu có)*:.....</td></tr>
<tr><td rowspan="4">4</td><td colspan="4">Tư cách pháp lý</td></tr>
<tr><td>*Pháp nhân*</td><td>□</td><td>*Cá nhân hành nghề phụ thuộc*</td><td>□</td></tr>
<tr><td>*Liên danh không tạo pháp nhân*</td><td>□</td><td rowspan="2">*Khác*
Nêu rõ:.....</td><td rowspan="2">□</td></tr>
<tr><td>*Đại lý thuế (nếu có)*</td><td>□</td></tr>
</table>

Tài liệu gửi kèm:

1. .....

2. .....

3. .....

Tôi cam đoan các thông tin, tài liệu đã cung cấp là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về các thông tin, tài liệu này./.

...., ngày..... tháng..... năm.....

NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ	**NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc**
Họ và tên:.....	**ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ**
Chứng chỉ hành nghề số:.....	*(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu)*

[1] Trường hợp người nộp thuế ủy quyền cho đại diện hợp pháp thực hiện các thủ tục áp dụng Hiệp định thuế, bên được ủy quyền phải kê khai đầy đủ các thông tin kể cả phần II của Giấy đề nghị này.

Mẫu số: **07/HTQT**
(Ban hành kèm theo Thông tư số 80/2021/TT-BTC ngày 29 tháng 9 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

TỔNG CỤC THUẾ
GENERAL DEPARTMENT OF TAXATION
CỤC THUẾ.....
TAX DEPARTMENT OF.....

Số/No.:

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Independence - Freedom - Happiness

GIẤY CHỨNG NHẬN CƯ TRÚ
RESIDENCE CERTIFICATE

Tên đối tượng:.....

Name:.....

Mã số đăng ký thuế *(nếu có)*.....

Tax Identification Number (if any).....

Địa chỉ:.....

Address:.....

Thể theo Hiệp định giữa Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và..... về tránh đánh thuế hai lần và ngăn ngừa việc trốn lậu thuế đối với các loại thuế đánh vào thu nhập, chúng tôi xác nhận rằng đối tượng nêu trên là đối tượng cư trú của Việt Nam dưới giác độ thuế theo luật của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và phù hợp với quy định tại Hiệp định nói trên trong thời gian từ..... đến.....

In compliance with the Agreement between the Government of the Socialist Republic of Vietnam and the Government of..... for the Avoidance of Double Taxation and Prevention of Fiscal Evasion with respect to Taxes on Income, it is hereby certified that the above-mentioned person is, by the laws of the Socialist Republic of Vietnam and in accordance with this Agreement, a resident of Vietnam for the taxation purposes for the period from..... to.....

..... Ngày..... tháng..... năm.....
..... Day..... month..... year.....
(Ký tên) (Signature)
(Chức vụ người ký) (Designation)

Mẫu số: **01/KTT**
(Ban hành kèm theo Thông tư số 80/2021/TT-BTC ngày 29 tháng 9 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

TÊN CƠ QUAN CẤP TRÊN TRỰC TIẾP
TÊN CƠ QUAN THUẾ RA THÔNG BÁO

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:...../TB-.....

....., ngày..... tháng..... năm.....

THÔNG BÁO
(lần 1)
Về việc giải trình, bổ sung thông tin, tài liệu

Kính gửi:..... (tên người nộp thuế).....

Mã số thuế:.....

Địa chỉ nhận thông báo:.....

Căn cứ quy định của pháp luật thuế hiện hành về trách nhiệm của người nộp thuế trong việc cung cấp thông tin theo yêu cầu của cơ quan thuế;

Để làm rõ các nội dung:

1. .....

2. .....

trong hồ sơ:.....;

(Tên cơ quan thuế ban hành thông báo)..... đề nghị.... (tên người nộp thuế)..... cử đại diện đến làm việc trực tiếp tại cơ quan thuế (hoặc có văn bản) để giải trình và bổ sung thông tin, tài liệu sau đây:

1. .....

2. .....

.....

.....

Thời gian làm việc:..... giờ..... ngày..... tháng..... năm.....

Địa điểm làm việc.....

(Hoặc văn bản giải trình, thông tin, tài liệu bổ sung gửi về cơ quan thuế..... trước ngày..... tháng..... năm.....)

Nếu có vướng mắc, đề nghị người nộp thuế liên hệ với cơ quan thuế..... theo số điện thoại:..... địa chỉ:.....

(Tên cơ quan thuế ban hành thông báo)..... thông báo để (tên người nộp thuế).... được biết và thực hiện./.

***Nơi nhận*:**
- Như trên;
- ...;
- Lưu VT;....

CHỨC DANH NGƯỜI KÝ THÔNG BÁO
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

NGƯỜI NỘP THUẾ NHẬN THÔNG BÁO
Ngày..... tháng..... năm.....

(Ký tên, đóng dấu (ghi rõ họ tên và chức vụ))

Ghi chú:

1. Phần các nội dung cần giải trình, bổ sung thông tin tài liệu cần ghi rõ thuộc hồ sơ thuế nào (khai thuế, miễn giảm, hay hoàn thuế....) và kỳ tính thuế.

2. Phần địa điểm làm việc cần ghi rõ tên phòng, bộ phận làm việc trực tiếp tại cơ quan thuế.

3. Trường hợp chuyển Thông báo trực tiếp đến người nộp thuế thì người nộp thuế ký xác nhận đã nhận Thông báo.

Mẫu số: **02/KTT**
(Ban hành kèm theo Thông tư số 80/2021/TT-BTC ngày 29 tháng 9 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

TÊN CƠ QUAN CẤP TRÊN TRỰC TIẾP
TÊN CƠ QUAN THUẾ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày..... tháng..... năm.....

BIÊN BẢN LÀM VIỆC
Về việc giải trình, bổ sung thông tin, tài liệu

Căn cứ Thông báo số...../TB-..... ngày..... tháng..... năm..... của... (tên cơ quan thuế)... về việc đề nghị người nộp thuế giải trình, bổ sung thông tin, tài liệu.

Hôm nay, hồi..... giờ..... ngày..... tháng..... năm.....

Tại:.....

Chúng tôi gồm:

I. Đại diện cơ quan thuế:

1. Ông/Bà:..... - Chức vụ:.....

2. Ông/Bà:..... - Chức vụ:.....

II. Người nộp thuế (hoặc đại diện hợp pháp của người nộp thuế):

Ông (bà):.....

CMND/CCCD/hộ chiếu số:.....

Chức vụ:..... đại diện cho....(tên người nộp thuế)..., Mã số thuế:.....

Địa chỉ:.....

III. Nội dung làm việc:

.....

.....

.....

IV. Các tài liệu người nộp thuế cung cấp bổ sung cho cơ quan thuế:

1. .....

2. .....

.....

V. Đề xuất và kiến nghị:

1. Các nội dung yêu cầu người nộp thuế thực hiện:

.....

.....

2. Các nội dung chưa được làm rõ:.....

.....

.....

Biên bản này gồm có..... trang, được lập thành..... bản có nội dung và giá trị pháp lý như nhau. 01 bản được giao người nộp thuế.

Sau khi đọc lại biên bản, những người có mặt đồng ý về nội dung biên bản, không có ý kiến gì khác và cùng ký xác nhận vào từng trang của biên bản hoặc có ý kiến khác như sau:

Ý kiến bổ sung khác (nếu có):.....

.....

NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc **ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ** *(Ký, ghi rõ họ tên)*	**ĐẠI DIỆN CƠ QUAN THUẾ** *(Ký, ghi rõ họ tên)*

Ghi chú:

1. Việc giải trình, bổ sung thông tin, tài liệu trực tiếp của người nộp thuế phải được thực hiện tại trụ sở cơ quan thuế.

2. Đối với các tài liệu người nộp thuế cung cấp bổ sung cho cơ quan thuế, người lập biên bản phải ghi rõ tên tài liệu, bản chính hay bản sao.

3. Người có ý kiến khác phải tự ghi ý kiến của mình vào văn bản, nêu rõ lý do có ý kiến khác, ký và ghi rõ họ tên.

Mẫu số: **03/KTT**
(Ban hành kèm theo Thông tư số 80/2021/TT-BTC ngày 29 tháng 9 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

TÊN CƠ QUAN CẤP TRÊN TRỰC TIẾP
TÊN CƠ QUAN THUẾ RA THÔNG BÁO

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:...../TB-.....

....., ngày..... tháng..... năm.....

THÔNG BÁO
(lần 2)
Về việc giải trình, bổ sung thông tin, tài liệu

Kính gửi:..... (tên người nộp thuế).....

Mã số thuế:.....

Địa chỉ nhận thông báo:.....

Căn cứ quy định của pháp luật thuế hiện hành về trách nhiệm của người nộp thuế trong việc cung cấp thông tin theo yêu cầu của cơ quan thuế;

Để làm rõ các nội dung:

1. .....

2. .....

trong hồ sơ:.....;

(Tên cơ quan thuế ban hành thông báo)..... đề nghị.... (tên người nộp thuế)..... cử đại diện đến làm việc trực tiếp tại cơ quan thuế (hoặc có văn bản) để giải trình và bổ sung thông tin, tài liệu sau đây:

1. .....

2. .....

.....

.....

Thời gian làm việc:..... giờ..... ngày..... tháng..... năm.....

Địa điểm làm việc.....

(Hoặc văn bản giải trình, thông tin, tài liệu bổ sung gửi về cơ quan thuế..... trước ngày..... tháng..... năm.....)

Nếu có vướng mắc, đề nghị người nộp thuế liên hệ với cơ quan thuế..... theo số điện thoại:..... địa chỉ:.....

Hết thời hạn quy định.....(tên người nộp thuế).... không giải trình, bổ sung thông tin tài liệu hoặc khai bổ sung thì cơ quan thuế xử lý theo quy định.

(Tên cơ quan thuế ban hành thông báo)..... thông báo để (tên người nộp thuế).... được biết và thực hiện./.

***Nơi nhận*:**
- Như trên;
- ...;
- Lưu VT;....

CHỨC DANH NGƯỜI KÝ THÔNG BÁO
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

NGƯỜI NỘP THUẾ NHẬN THÔNG BÁO
Ngày..... tháng..... năm.....

(Ký tên, đóng dấu (ghi rõ họ tên và chức vụ))

Ghi chú:

1. Phần các nội dung cần giải trình, bổ sung thông tin tài liệu cần ghi rõ thuộc hồ sơ thuế nào (khai thuế, miễn giảm, hay hoàn thuế....) và kỳ tính thuế.

2. Phần địa điểm làm việc cần ghi rõ tên phòng, bộ phận làm việc trực tiếp tại cơ quan thuế.

3. Trường hợp chuyển Thông báo trực tiếp đến người nộp thuế thì người nộp thuế ký xác nhận đã nhận Thông báo.

4. Trường hợp nhận được thông báo mà người nộp thuế đã tự giác kê khai bổ sung hồ sơ khai thuế thì không phải thực hiện các nội dung tại thông báo này.

Mẫu số: **04/KTT**
(Ban hành kèm theo Thông tư số 80/2021/TT-BTC ngày 29 tháng 9 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

TÊN CƠ QUAN CẤP TRÊN TRỰC TIẾP **TÊN CƠ QUAN THUẾ RA QUYẾT ĐỊNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số:...../QĐ-.....	*....., ngày..... tháng..... năm.....*

QUYẾT ĐỊNH
Về việc kiểm tra thuế tại.... (tên người nộp thuế).....

CHỨC DANH NGƯỜI RA QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Luật Quản lý thuế ngày..... tháng.... năm.... và các văn bản hướng dẫn thi hành;

Căn cứ các Luật thuế và các văn bản hướng dẫn thi hành;

Căn cứ Quyết định số..... ngày... tháng... năm... của..... quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Tổng cục Thuế/Cục thuế/Chi cục thuế;

Căn cứ Quyết định số..... ngày..... tháng.... năm... của..... phê duyệt Kế hoạch.....; (kiểm tra theo kế hoạch, chuyên đề)

Hoặc:

Căn cứ chỉ đạo của..... ngày... tháng... năm... về việc....; (nếu là cuộc kiểm tra đột xuất)

Theo đề nghị của.....

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Kiểm tra thuế/chấp hành pháp luật thuế tại..... (tên người nộp thuế)..., Mã số thuế:..... về các nội dung sau (đối với kiểm tra theo nội dung):

- .....

- .....

Thời kỳ kiểm tra:.....

Điều 2. Thành lập Đoàn kiểm tra để thực hiện nhiệm vụ ghi tại Điều 1 gồm có:

- Ông (bà)..... - Chức vụ..... - Trưởng đoàn;

- Ông (bà)..... - Chức vụ..... - Thành viên;

- Ông (bà)..... - Chức vụ..... - Thành viên

Thời hạn kiểm tra là..... ngày làm việc, kể từ ngày công bố Quyết định kiểm tra.

Đoàn kiểm tra có nhiệm vụ, quyền hạn quy định tại Điều 112 của Luật Quản lý thuế.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Ông/bà/tổ chức được kiểm tra có tên tại Điều 1 và Đoàn kiểm tra chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

***Nơi nhận*:**
- Như Điều 3;
- .....;
- Lưu: VT;....

CHỨC DANH NGƯỜI KÝ QUYẾT ĐỊNH
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Mẫu số: **05/KTT**
(Ban hành kèm theo Thông tư số 80/2021/TT-BTC ngày 29 tháng 9 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

TÊN CƠ QUAN CẤP TRÊN TRỰC TIẾP
TÊN CƠ QUAN THUẾ RA QUYẾT ĐỊNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:...../QĐ-.....

....., ngày..... tháng..... năm .....

QUYẾT ĐỊNH
Về việc gia hạn thời hạn kiểm tra tại.....

CHỨC DANH NGƯỜI RA QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Luật Quản lý thuế ngày.... tháng.... năm.... và các văn bản hướng dẫn thi hành;

Căn cứ các Luật thuế và các văn bản hướng dẫn thi hành;

Căn cứ Quyết định số...../QĐ-..... ngày.... tháng..... năm.... của..... ..... quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Tổng cục Thuế/Cục thuế/Chi cục thuế;

Căn cứ Quyết định số...../QĐ-..... ngày..... tháng..... năm.... của..... về việc kiểm tra thuế tại..... (tên người nộp thuế)....;

Theo đề nghị của.....

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Gia hạn thời hạn kiểm tra thuế của Đoàn kiểm tra theo Quyết định số..... /QĐ- ..... ngày... tháng... năm..... của..... về việc kiểm tra thuế tại ..... (tên người nộp thuế)....., mã số thuế.....

Thời gian gia hạn là .... ngày kể từ ngày..... tháng..... năm.... hoặc ngày hết hạn kiểm tra theo Quyết định số.... ngày... tháng... năm... nêu trên.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Ông/bà/tổ chức được kiểm tra có tên tại Điều 1 và Đoàn kiểm tra chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

***Nơi nhận*:**
- Như Điều 2;
- .....;
- Lưu: VT, ...

CHỨC DANH NGƯỜI KÝ QUYẾT ĐỊNH
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Mẫu số: **06/KTT**
(Ban hành kèm theo Thông tư số 80/2021/TT-BTC ngày 29 tháng 9 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

TÊN CƠ QUAN CẤP TRÊN TRỰC TIẾP
TÊN CƠ QUAN THUẾ RA QUYẾT ĐỊNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:...../QĐ-.....

....., ngày..... tháng..... năm .....

QUYẾT ĐỊNH
Về việc bãi bỏ quyết định kiểm tra tại.... (tên người nộp thuế)

CHỨC DANH NGƯỜI RA QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Luật Quản lý thuế ngày... tháng... năm... và các văn bản hướng dẫn thi hành;

Căn cứ các Luật thuế và các văn bản hướng dẫn thi hành;

Căn cứ Quyết định số..... ngày.... tháng.... năm..... của..... quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Tổng cục Thuế/Cục thuế/Chi cục thuế;

Theo đề nghị của.....

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Bãi bỏ Quyết định số...../QĐ-..... ngày..... tháng..... năm..... của..... về việc kiểm tra tại.... (tên người nộp thuế)..., mã số thuế.....

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Ông/bà/tổ chức được kiểm tra có tên tại Điều 1 và Đoàn kiểm tra theo Quyết định số...../QĐ-..... ngày... tháng... năm.... chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

***Nơi nhận*:**
- Như Điều 2;
- ...;
- Lưu: VT, ...

CHỨC DANH NGƯỜI KÝ QUYẾT ĐỊNH
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Mẫu số: **07/KTT**
(Ban hành kèm theo Thông tư số 80/2021/TT-BTC ngày 29 tháng 9 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

TÊN CƠ QUAN RA QUYẾT ĐỊNH KIỂM TRA
ĐOÀN KIỂM TRA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN
Công bố quyết định kiểm tra

Căn cứ Luật Quản lý thuế ngày..... tháng..... năm..... và các văn bản hướng dẫn thi hành;

Căn cứ Quyết định số...../QĐ-..... ngày..... tháng..... năm..... của..... (tên cơ quan ra quyết định)... về việc kiểm tra..... tại..... (tên người nộp thuế)...;

Hôm nay, hồi..... giờ..... ngày..... tháng..... năm.....

Tại:.....

Chúng tôi gồm:

I. Đoàn kiểm tra thuế:

- Ông (bà)..... - Chức vụ..... - Trưởng đoàn;
- Ông (bà)..... - Chức vụ..... - Thành viên;
- Ông (bà)..... - Chức vụ..... - Thành viên;

II. Người nộp thuế (hoặc đại diện hợp pháp của người nộp thuế):

Ông (bà):.....

CMND/CCCD/hộ chiếu số:.....

Chức vụ:..... đại diện cho.....

Ông (bà):.....

CMND/CCCD/hộ chiếu số:.....

Chức vụ:.....

Người nộp thuế (hoặc đại diện hợp pháp người nộp thuế) đã được nghe Đoàn kiểm tra công bố nội dung Quyết định số..... ngày..... tháng..... năm..... của... (tên cơ quan ra quyết định)..... về việc kiểm tra..... tại... (tên người nộp thuế).....

Biên bản này gồm có..... trang, được lập thành..... bản có nội dung và giá trị pháp lý như nhau. 01 (một) bản được giao người nộp thuế.

Sau khi đọc lại biên bản, những người có mặt đồng ý về nội dung biên bản, không có ý kiến gì khác và cùng ký xác nhận vào từng trang của biên bản hoặc có ý kiến bổ sung khác (nếu có) như sau:.....

NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ *(Ký tên, ghi rõ họ tên; chức vụ và đóng dấu (nếu có))*	**ĐẠI DIỆN ĐOÀN KIỂM TRA** *(Ký, ghi rõ họ tên)*

Ghi chú: *Người có ý kiến khác phải tự ghi ý kiến của mình vào biên bản, nêu rõ lý do có ý kiến khác, ký và ghi rõ họ tên.*

(Xem tiếp Công báo số 715 + 716)

VĂN PHÒNG CHÍNH PHỦ XUẤT BẢN

Địa chỉ:	Số 1, Hoàng Hoa Thám, Ba Đình, Hà Nội
Điện thoại liên hệ:	
- Nội dung:	080.44417; Fax: 080.44517
- Phát hành:	080.48543
Email:	congbao@chinhphu.vn
Website:	http://congbao.chinhphu.vn
In tại:	Xí nghiệp Bản đồ 1- Bộ Quốc phòng